

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-ĐT ngày 23/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Chăn nuôi Thú y được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích đào tạo cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức để đảm nhận vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; có khả năng nghiên cứu hoặc tiếp tục học cao hơn trong lĩnh vực này.

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Chăn nuôi Thú y được kế thừa từ chương trình đào tạo Chăn nuôi thú y trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Các môn học chuyên ngành của chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y đều được giảng dạy bởi đội ngũ giảng viên có trình độ cao, trên 80% có học vị Tiến sĩ trở lên.

Khoa Chăn nuôi Thú y không ngừng cải tiến và phát triển về cơ sở vật chất cũng như các hoạt động giáo dục và nghiên cứu nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y. Khoa Chăn nuôi Thú y đã và đang cung cấp, tạo dựng cho người học môi trường giáo dục toàn diện về cả mặt lý thuyết và thực tế, khuyến khích người học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Chăn nuôi - Thú y
Tên chương trình (tiếng Anh)	Animal Science and Veterinary Medicine
Mã ngành đào tạo:	7620105
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Kỹ sư Chăn nuôi Thú y
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	121
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm

Đối tượng tuyển sinh:	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng tuyển thẳng là học sinh trung học phổ thông đạt giải quốc gia, quốc tế. - Kết quả xét tốt nghiệp THPT quốc gia của thí sinh lấy điểm từ cao xuống thấp hoặc xét tuyển theo hình thức học bạ. - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc.
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 121 - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí công tác: có khả năng đảm nhiệm công tác quản lý và điều hành: cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. - Nơi làm việc: Các cơ quan, doanh nghiệp, xí nghiệp... Các Cục, viện, trung tâm nghiên cứu. Các chương trình dự án phát triển thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Các cơ quan hành chính sự nghiệp từ cấp xã, phường trở lên. Các cơ sở giáo dục, đào tạo: trung tâm dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học có liên quan đến ngành Chăn nuôi Thú y.
Học tập nâng cao trình độ:	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y (chương trình đại trà) - Trường ĐH Nông Lâm TP Hồ Chí Minh. - Chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. - Chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y của trường

	Đại học Adelaide – Australia. - Chương trình đào tạo Chăn nuôi Thú y của trường Đại học Philippine Los Banos
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Tháng 7/2018

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chuyên ngành Chăn nuôi thú y là đào tạo cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức để đảm nhận vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi thú y; có khả năng nghiên cứu hoặc tiếp tục học cao hơn trong lĩnh vực này.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PLO1: Có sức khỏe, phẩm chất chính trị và đạo đức tốt.

PLO2: Vận dụng tốt các kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành vào lĩnh vực chăn nuôi thú y.

PLO3: Vận dụng thành thạo kiến thức kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất.

PLO4: Có khả năng hình thành ý tưởng mới, tư duy sáng tạo, đóng góp các sáng kiến, kỹ thuật mới cho ngành nghề

PLO5: Có kỹ năng giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm, nắm bắt kịp thời các nhu cầu xã hội phục vụ phát triển ngành nghề.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có các năng lực sau:

ELO1: Hiểu và ứng dụng được nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.

ELO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên phù hợp với chuyên ngành Chăn nuôi Thú y.

ELO3: Hiểu và ứng dụng tốt các kiến thức cơ sở ngành để tổ chức chăn nuôi, bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

ELO4: Vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành để thực hiện các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, chẩn đoán và phòng, trị bệnh cho vật nuôi, tổ chức, quản lý sản xuất chăn nuôi, thú y.

ELO5: Vận dụng các kiến thức về kinh doanh, marketing và các kiến thức bổ trợ khác để khởi nghiệp và phát triển dịch vụ chăn nuôi, thú y.

ELO6: Biết đề xuất và thực hiện đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y.

ELO7: Thành thạo việc lựa chọn, đánh giá chất lượng nguyên liệu và xây dựng được khẩu phần ăn cho từng đối tượng vật nuôi.

ELO8: Thực hiện được việc chọn lọc con giống và nhân giống vật nuôi.

ELO9: Thành thạo các kỹ năng về chăm sóc, nuôi dưỡng từng đối tượng vật nuôi.

ELO10: Thực hiện được việc chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

ELO11: Biết tư vấn chuyên môn, chuyển giao khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

ELO12: Biết quản lý, kinh doanh, sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

ELO13: Ứng dụng được công nghệ thông tin trong tổ chức, quản lý sản xuất, quảng bá sản phẩm và khởi nghiệp.

ELO14: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả. Trình độ tiếng Anh: B1 trở lên.

ELO15: Có đạo đức nghề nghiệp, thái độ làm việc nghiêm túc và thực hiện quyền lợi động vật.

ELO16: Hiểu biết chung về các vấn đề xã hội và các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT (PLO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
PLO1	x														x	
PLO2	x	x	x	x	x											
PLO3							x	x	x	x	x	x	x			
PLO4						x										
PLO5														x	x	x

6. Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng ứng với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MA TRẬN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ỨNG VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Triết học mác - Lênin	a	c	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	b	b	b
Kinh tế chính trị	a	c	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	b	b	b
Chủ nghĩa xã hội khoa học	a	c	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	b	b	b
Tư tưởng Hồ Chí Minh	a	a	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a
Lịch sử đảng cộng sản Việt	a	a	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Nam																
Hóa học	-	c	b	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c
Sinh học	-	b	b	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c
Xã hội học đại cương	-	b	-	-	b	-	-	-	-	-	-	-	-	a	b	b
Vật lý	-	a	a	a	b	c	c	c	c	b	b	c	a	a	a	b
Toán cao cấp	c	a	-	-	c	c	b	-	c	-	c	c	a	a	a	b
Tiếng anh 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c	c	-	-
Tiếng anh 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c	b	-	-
Tiếng anh 3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c	a	-	-
Tin học đại cương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	b	c	-	-
Xác suất - Thống kê	c	a	-	-	c	c	c	c	-	c	c	b	b	a	a	a
Khoa học quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	c	c	c	a	-	-	-	-
Vi sinh vật đại cương	-	-	b	b	c	b	c	-	c	c	c	-	-	c	b	c
Sinh thái môi trường	c	c	-	-	-	c	c	c	-	-	-	-	-	-	-	a
Địa lý kinh tế Việt Nam	b	c	-	-	-	c	c	c	-	-	-	-	-	-	-	a
Nhà nước và pháp luật	c	b	b	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	c
Ô nhiễm môi trường	b	c	-	-	-	c	c	c	-	-	-	-	-	-	-	a
Sinh học phân tử	-	c	-	-	-	c	c	c	-	-	-	-	-	-	-	a
Phương pháp tiếp cận khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	c	c	c	a	-	-	-	-
An toàn lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Tay không, điện kinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Bóng chuyền	a	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a
Cầu lông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Đá cầu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Võ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Bóng rổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Bóng đá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	a	a	a	-	-
Cơ thể học động vật	-	c	a	b	c	c	-	c	c	c	c	-	-	c	a	b
Sinh hóa - Sinh lý động vật	-	-	a	b	c	b	b	c	b	b	b	b	c	b	a	b
Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	-	-	a	b	c	b	a	c	c	c	b	c	c	b	b	b
Dược lý học thú y	-	c	b	a	-	c	-	-	-	b	b	-	-	-	b	c
Di truyền - Giống vật nuôi	-	-	a	a	c	b	c	a	c	c	b	b	c	b	b	b
Bệnh lý học thú y	-	-	b	a	-	b	-	-	c	c	c	c	c	c	b	c
Chẩn đoán hình ảnh	-	c	c	b	-	c	-	-	-	a	c	c	c	c	a	c
Thực hành nâng cao chẩn đoán lâm sàng thú y	-	-	b	b	-	c	-	-	-	a	c	c	c	c	a	b

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Thực hành nâng cao chẩn đoán phi lâm sàng thú y	-	-	b	a	-	c	-	-	-	a	b	-	c	b	a	b
Chăn nuôi lợn	c	b	a	a	a	a	c	a	a	b	a	a	b	b	a	b
Chăn nuôi gia cầm	-	-	a	a	b	b	c	a	a	c	c	b	c	b	a	b
Chăn nuôi gia súc nhai lại	b	b	a	a	b	b	c	a	b	b	c	b	c	b	b	b
Bệnh truyền nhiễm thú y	-	-	a	a	b	b	b	b	b	a	a	b	b	b	a	b
Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	-	-	a	a	b	b	b	b	b	a	a	b	b	b	a	b
Nội - Chẩn thú y	-	-	b	a	b	c	c	c	c	a	b	c	c	c	a	b
Ngoại - Sản thú y	-	-	a	a	b	c	c	b	b	a	b	c	b	b	a	b
Vệ sinh gia súc	c	b	b	b	-	c	a	c	b	b	b	c	b	b	a	b
Công nghệ sinh sản	-	-	a	a	b	b	c	b	c	c	b	c	c	b	b	b
Độc chất học thú y	-	c	a	a	-	c	c	-	-	b	b	-	-	c	b	c
Bệnh ở động vật hoang dã	-	-	a	a	-	c	-	-	-	b	-	-	-	b	a	b
Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	-	-	a	a	c	c	-	-	a	b	b	c	-	b	a	b
Vệ sinh an toàn thực phẩm	-	c	b	a	-	c	c	-	c	c	b	c	-	b	b	b
Thiết kế và xây dựng chuồng trại	c	c	b	b	c	c	-	-	b	-	c	b	c	b	b	b
Quản trị trang trại	-	b	b	a	b	b	-	-	-	-	-	b	c	b	b	b
Một sức khỏe trong Thú y	-	-	a	a	c	b	c	c	b	b	b	c	b	b	a	a
Bệnh ở chó mèo	-	-	a	a	b	c	c	b	b	a	b	c	b	b	a	b
Bệnh truyền lây giữa động vật và người	-	-	a	a	b	b	a	b	a	a	c	b	a	a	b	b
Công nghệ sinh học ứng dụng trong Chăn nuôi Thú y	-	b	a	b	b	b	b	a	c	b	a	b	c	b	a	a
Chăn nuôi ong tầm và động vật quý hiếm	-	-	a	a	b	b	a	a	a	a	a	b	b	a	a	a
Chăn nuôi cá nước ngọt	c	c	c	c	c	c	b	b	b	c	c	c	c	b	b	b
Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	-	-	b	b	b	c	c	c	c	c	c	c	-	c	b	c
Thực hành ấp trứng gia cầm	-	c	b	a	c	c	-	a	-	-	c	b	c	b	b	b
Thực hành kỹ thuật truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	-	-	b	b	-	c	-	a	c	c	b	-	-	c	a	c
Thực hành thiết kế xây	c	b	a	b	c	c	-	-	c	c	b	c	b	c	a	b

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
dụng chuồng trại trong chăn nuôi																
Thực hành nâng cao phẫu thuật ngoại khoa Thú y	-	-	b	b	c	-	-	-	c	a	b	-	b	b	a	a
Thực hành nâng cao Ngoại - Sản thú y	-	-	b	a	b	c	c	c	b	a	b	c	c	b	a	b
Thực hành Spa thú cưng	-	-	b	b	-	b	-	-	b	b	b	-	b	b	a	a
Thực hành nâng cao chẩn đoán và điều trị bệnh cho thú cưng	-	-	b	a	b	b	-	-	c	a	b	b	b	a	a	a
Thực hành chăm sóc, và huấn luyện thú cưng	-	-	b	b	-	b	-	-	b	b	b	-	-	b	a	b
Thực hành nâng cao Ngoại - Sản thú cưng	-	-	b	a	b	b	a	a	a	b	b	b	a	a	a	a
Phúc lợi động vật và luật chuyên ngành	-	-	c	-	b	-	-	-	-	-	a	b	-	a	b	a
Phương pháp nghiên cứu khoa học	-	c	b	b	-	a	-	b	-	c	b	-	-	c	a	c
Maketing	-	-	-	-	b	-	-	-	-	-	-	c	-	c	c	-
Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	-	-	-	-	b	c	-	-	-	-	-	b	b	b	c	b
Khởi sự kinh doanh	-	-	-	c	-	a	-	-	-	-	-	-	a	b	c	a
Phân tích chuỗi giá trị	-	-	-	-	b	-	-	-	-	-	-	-	b	-	b	b
Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp	-	-	-	-	a	-	-	-	-	-	-	b	b	-	b	-
Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm	-	c	-	-	b	-	-	-	-	-	-	c	b	b	b	c
Quản trị doanh nghiệp	-	-	-	-	b	-	-	-	-	-	-	c	c	b	c	b
Bảo quản và chế biến nông sản	-	-	-	-	c	-	c	-	-	-	-	-	-	-	-	c
Hệ thống nông lâm kết hợp	-	-	-	-	-	b	-	-	-	-	-	-	-	b	b	b
Công nghệ thực phẩm	-	-	-	b	c	-	c	-	-	-	-	c	-	c	c	-
Quản lý nguy cơ sinh học	-	-	-	b	a	-	-	-	-	-	-	c	-	b	b	b
Trồng trọt chuyên khoa	-	-	-	-	c	-	-	-	-	-	-	-	c	-	c	-
Công nghệ môi trường	-	-	b	-	a	c	-	-	-	-	-	-	-	c	c	b
Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại	-	-	-	-	-	-	c	c	-	-	-	-	-	c	a	a
Tiêm phòng chống dịch	-	-	b	b	c	c	a	b	a	b	c	c	c	a	b	b

MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổ chức, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm	c	c	a	a	c	c	b	b	a	a	b	c	c	a	a	b
Tổ chức, quản lý trong trang trại chăn nuôi lợn	c	c	a	a	b	b	b	a	a	b	b	b	c	b	a	b
Tổ chức, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia súc nhai lại	c	b	c	b	b	b	c	a	b	c	c	b	c	b	a	b
Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y	-	-	-	b	b	-	-	-	-	-	-	a	b	b	a	a
Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	-	c	c	c	-	c	-	-	c	a	b	-	-	-	a	c
Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia cầm	c	c	a	a	c	c	b	b	a	a	b	c	c	a	a	b
Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho lợn	c	c	a	a	c	c	b	b	a	a	b	c	c	a	a	b
Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia súc nhai lại	c	c	a	a	c	c	b	b	a	a	b	c	c	a	a	b

7. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

7.1.1. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi môn học trong chương trình đều được sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, seminar, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành, thực tập, kiến tập... Phương pháp thuyết trình: Được sử dụng đối với phần kiến thức lí thuyết. Mục đích là giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc về những nội dung lí thuyết của học phần

Phương pháp bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài toán và giải thích các hiện tượng, tình huống xảy ra trong thực tế liên quan đến môn học, ngành nghề; Kỹ năng tương tác với tập thể. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp seminar, thảo luận: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm.

Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp thực hành/ thực tập: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thí nghiệm, thực hành trên động vật giúp sinh viên kiểm chứng các nội dung lí thuyết của môn học. Từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp

7.1.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần để điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan đối với ngành nghề;

- Trong từng học kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi, chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực GV;

- Các học phần của chương trình đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của người thầy.

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

8.2.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các đánh giá trong khóa học.

8.2.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)

Ví dụ về ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần và các tiêu chí đánh giá của học phần Chăn nuôi lợn.

Bảng 1. Ma trận đánh giá CĐR của học phần chăn nuôi Lợn

Các CĐR của học phần	Chuyên cần	Giữa kỳ	Cuối kỳ
	(20%)	(30%)	50 (%)
K1	X	X	X
K2	X	X	X
K3	X	X	X
K4	X	X	X
K5	X	X	X
K6	X	X	X
K7	X	X	X
K8	X	X	X
K9	X		X
K10	X		X
K11	X		X

K12	x		x
K13	x		x
K14	x	x	x
K15	x	x	x
K16	x		x

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

1. Điểm chuyên cần: trọng số 20%

Đánh giá qua 2 Rubric 1 và 2 theo tỷ lệ: CC = (50% x Rubic1) + (50% x Rubic 2)

Rubric 1: Đánh giá tham dự giờ học và chuẩn bị bài tập

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Tham dự các buổi trên lớp	100	Tham dự đầy đủ các buổi thực hành và học lý thuyết. làm đủ bài tập và thảo luận	Tham dự đầy đủ các buổi thực hành và 45 tiết học lý thuyết. làm đủ bài tập và thảo luận	Tham dự đầy đủ các buổi thực hành và 40 tiết lý thuyết. Làm đủ bài tập và thảo luận	Tham dự đầy đủ các buổi thực hành và 38 tiết học lý thuyết. làm đủ bài tập và thảo luận	Không đủ điều kiện tham dự thi kết thúc học phần khi: Tham dự không đầy đủ các buổi thực hành và ít hơn 38 tiết lý thuyết.

Rubric 2: Đánh giá thảo luận nhóm, thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Giỏi (8,5 – 10)	Khá (7,0 – 8,4)	Trung bình (5,5 – 6,9)	Trung bình yếu (4,0 – 5,4)	Kém < 4,0
Chuẩn bị	30	Đầy đủ	Đạt 80%	Đạt 70%	Đạt 60%	Đạt 50%

Nội dung	30	Trình bày đầy đủ và đúng nội dung yêu cầu về chủ đề, có thêm các nội dung liên quan đóng góp vào việc mở rộng kiến thức	Trình bày đầy đủ và đúng nội dung yêu cầu về chủ đề	Trình bày đầy đủ nội dung theo yêu cầu về chủ đề, có một số nội dung chưa đúng	Trình bày thiếu một số nội dung theo yêu cầu về chủ đề	Trình bày không đúng nội dung theo yêu cầu, hoặc quá sơ sài,.
Trình bày báo cáo	20	Cách trình bày báo cáo lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu, nêu được trọng tâm của nội dung, có sáng tạo trong phương pháp trình bày. Nhận được ý kiến/ câu hỏi quan tâm	Cách trình bày báo cáo rõ ràng, dễ hiểu, nêu được trọng tâm của nội dung	Báo cáo dạng đọc, khó theo dõi, không nêu được trọng tâm của nội dung	Trình bày báo cáo không lưu loát, không nêu được trọng tâm, không tạo được sự quan tâm từ người nghe	Trình bày quá sơ sài, người nghe không thể hiểu được nội dung
Trả lời câu hỏi Thảo luận	15	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời được >70% - 80% câu hỏi và có cách trả lời hợp lý cho những phần chưa trả lời được	Trả lời được >50% - 70% câu hỏi	Trả lời được 30% - 50% câu hỏi	Không trả lời được câu nào
Tinh thần, thái độ làm việc theo nhóm	15	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Có phân chia câu trả lời và báo cáo	Thể hiện sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm rõ ràng. Phân chia	Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng chưa thể hiện rõ ràng	Không có sự kết hợp của các thành viên, có thể chỉ 1 hay vài thành viên	Bài lấy từ nguồn khác, không phải trực tiếp soạn

		giữa các thành viên trong nhóm	câu trả lời và báo cáo giữa các thành viên trong nhóm chưa hợp lý		chuẩn bị và báo cáo	
--	--	--------------------------------	---	--	---------------------	--

2. Điểm giữa kỳ: Trong số 30%

Đánh giá qua Rubic 3

Rubic 3: Đánh giá giữa kỳ

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	100	Trả lời đúng 85 - 100% số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 70 - 84 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 55 – 69 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 40 -54 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 10 - 40 % số câu hỏi của đề thi

3. Điểm kết thúc học phần: trọng số 50%

Điểm kết thúc học phần = 80% Rubric 4 + 20% Rubric 5

Rubic 4: Chọn 1 trong 3 hình thức đánh giá của Rubic 4 (trọng số 80%)

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	100	Trả lời đúng 85 - 100% số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 70 -84 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 55 – 69 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 40 - 54 % số câu hỏi của đề thi	Trả lời đúng 10 - 40 % số câu hỏi của đề thi

Rubic 5: Đánh giá kết quả thực hành (20%)

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Tập trung,	50	Thao tác thành thạo	Thao tác thành thạo	Thao tác được các	Thao tác chưa đầy	Không thao tác được

chăm chỉ thực hiện các thao tác (Gv giám sát và kiểm tra)		các kỹ năng của bài thực hành, có tư duy sáng tạo trong thực hiện thao tác, thực hiện tốt khâu vệ sinh sát trùng sau thực hiện thao tác.	các kỹ năng của bài thực hành, thực hiện tốt khâu vệ sinh sát trùng sau thực hiện thao tác.	kỹ năng của bài thực hành, biết thực hiện khâu vệ sinh sát trùng sau thực hiện thao tác.	đủ các kỹ năng của bài thực hành, biết thực hiện khâu vệ sinh sát trùng sau thực hiện thao tác.	các kỹ năng của bài thực hành, không thực hiện khâu vệ sinh sát trùng sau thao tác.
Xử lý số liệu và viết báo cáo	50	Trình bày đầy đủ và đúng yêu cầu về các nội dung thực hành. Có thêm các nội dung mở rộng về bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị	Trình bày đầy đủ và đúng yêu cầu về các nội dung thực hành. Có thêm các nội dung mở rộng về bài học kinh nghiệm.	Trình bày đầy đủ và đúng yêu cầu về các nội dung thực hành.	Trình bày thiếu một số nội dung theo yêu cầu về các buổi thực hành	Trình bày không đúng nội dung theo yêu cầu của các buổi thực hành hoặc nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết.

II. Mô tả chương trình dạy học

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 121 tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

NỘI DUNG	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43
1. Khối kiến thức bắt buộc	39
2. Khối kiến thức tự chọn	4
3. Giáo dục thể chất (không tính TC tích lũy)	3
4. Giáo dục quốc phòng (không tính TC tích lũy)	165 tiết

KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (liên ngành)		10
1. Khối kiến thức bắt buộc		4
2. Khối kiến thức tự chọn		6
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		
Cơ sở ngành		19
1. Khối kiến thức bắt buộc		14
2. Khối kiến thức tự chọn		5
Chuyên ngành		31
1. Khối kiến thức bắt buộc		18
2. Khối kiến thức tự chọn		13
Thí nghiệm, thực tập, thực hành,		8
Khóa luận tốt nghiệp		10
Rèn nghề		5

2. Nội dung chương trình

TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Mã số học phần
A. Kiến thức giáo dục đại cương			43			
I. Các học phần bắt buộc			39			
a) Lý luận chính trị			11			
1	Triết học Mác -Lênin	Marxist-Leninist philosophy	3	45	-	MLP131
2	Kinh tế chính trị	Marxist-Leninist political economy	2	30	-	MLE122
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	30	-	SCS 123
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	-	HCM124
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Vietnamese Communist Party	2	30	-	HCP125
b) Ngoại ngữ, Tin học, Khoa học tự nhiên, xã hội			28			
6	Hóa học	Chemistry	4	50	20	CHE141
7	Sinh học	Biology	3	40	10	GBI121
8	Xã hội học đại cương	General Sociology	2	30	0	GSO121
9	Vật lý	Physics	2	30	0	PHY121

10	Toán cao cấp	Mathematics	2	30	0	MAT121
11	Tiếng Anh 1	English 1	3	45	0	ENG131
12	Tiếng Anh 2	English 2	3	45	0	ENG132
13	Tiếng Anh 3	English 3	3	45	0	ENG133
14	Tin học đại cương	General Informatics	3	15	60	GIN131
15	Xác suất - Thống kê	Probability and Statistics	3	45	0	PST131
II. Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 4 TC)		Self Selection Subjects	4			
16	Khoa học quản lý	Management Science	2	30	0	MEC121
17	Vi sinh vật đại cương	General Microbiology	2	24	12	GMI121
18	Sinh thái môi trường	Environmental Ecology	2	30	0	EEC121
19	Địa lý kinh tế Việt Nam	Vietnam Economic Geography	2	30	0	VEG121
20	Nhà nước và pháp luật	State and Law	2	30	0	SLA121
21	Ô nhiễm Môi trường	Environmental Pollution	2	30	0	EPO121
22	Sinh học phân tử	Molecular Biology	2	30	0	MBI121
23	Phương pháp tiếp cận khoa học	Scientific Approach Methodology	2	30	0	SAM121
24	An toàn lao động	Works Safety and Hygenic	2	30	0	WSH121
III. Giáo dục thể chất*		Physical Education	3	0	90	
25	Tay không, điền kinh		1			PHE111+ PHE112+ PHE113
26	Bóng chuyền		1			
27	Cầu lông		1			
28	Đá cầu		1			
29	Võ		1			
30	Bóng rổ		1			
31	Bóng đá		1			
IV. Giáo dục quốc phòng*		National Defense Education	165			tiết

B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Professional Education Knowlegde				
I. Kiến thức cơ sở ngành		Basic Knowledge	19			
a) Các học phần bắt buộc		Obligatory Subjects	14			
32	Cơ thể học động vật	Animal Anatomy and Histology	5	65	20	AAH251
33	Sinh hóa - Sinh lý động vật	Animal Biochemistry - Physiology	5	65	20	ABP251
34	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Animal Feed and Nutrition	4	52	16	AFN241
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 5 TC)		Optional Subjects (the accomplishment of 5 credits is required)	5			
35	Dược lý học thú y	Veterinary Pharmacology	2	26	8	VPH221
36	Di truyền - Giống vật nuôi	Animal Breeding and Genetics	3	37	16	ABG231
37	Bệnh lý học thú y	Vererinary Pathophysiology	3	39	12	VPA231
38	Chẩn đoán hình ảnh	Imaging Diagnosis	2	26	8	IDI321
39	Thực hành Chẩn đoán lâm sàng thú y	Practice in Veterinary Clinical Diagnosis	3	0	120	VCD231
40	Thực hành Chẩn đoán phi lâm sàng thú y	Practice in Veterinary Laboratory Diagnosis	3	0	120	VLD231
II. Kiến thức ngành		Speciality Knowledge	31			
a) Các học phần bắt buộc		Obligatory Subjects	18			
41	Chăn nuôi lợn	Swine Production	4	52	16	SWP341
42	Chăn nuôi gia cầm	Poultry Production	4	50	20	POP341
43	Chăn nuôi gia súc nhai lại	Ruminant Production	3	39	12	RUP331
44	Bệnh truyền nhiễm thú y	Veterinary Infectious Diseases	4	52	16	VID341
45	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Parasite and veterinary parasitology	3	39	12	PVP331
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 13 TC)		Optional Subjects (the accomplishment of 13 credits is required)	13			

46	Nội - Chẩn thú y	Veterinary Internal Diseases and Diagnostics	3	37	16	IDD331
47	Ngoại - Sản thú y	Veterinary Surgery - Obstetrics	3	35	20	VSO331
48	Kiểm nghiệm thú sản	Animal Products Inspection	3	41	8	API331
49	Vệ sinh gia súc	Animal Hygiene	2	30		AHY321
50	Công nghệ sinh sản	Reproductive Technology	2	26	8	RTE321
51	Độc chất học thú y	Veterinary Toxicology	2	30		VTO331
52	Bệnh ở động vật hoang dã	Wildlife Diseases	2	30		WDI331
53	Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin	Vaccine Application and Production Technology	2	30		VAP331
54	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Food safety and Hygence	2	30		FSH321
55	Thiết kế và xây dựng chuồng trại	Design and construction of animal farms	3	41	8	DCF331
56	Quản trị trang trại	Farm Management	3	45		FMA331
57	Một sức khỏe trong Thú y	One Health in Veterinary Medicine	2	24	12	OHV321
58	Bệnh ở chó mèo	Diseases in Dogs and Cats	3	39	12	DDC331
59	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Zoonosis	3	45		ZOO331
60	Công nghệ sinh học ứng dụng trong Thú y	Application of Biotechnology in Veterinary Medicine	3	45		ABV331
61	Chăn nuôi ong tằm và động vật quý hiếm	Husbandry on Silkworm, Bee and Rare Animals	3	41	8	SBR331
62	Chăn nuôi cá nước ngọt	Fresh Water Fish Breeding Techniques	3	39	12	FFT331
63	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	Management of Environmental and Animal Waste	3	45		MEA331
64	Thực hành ấp trứng gia cầm	Advanced Practice in Poultry Egg Incubation	2		60	PEI321
65	Thực hành Kỹ thuật truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm	Advanced Practice in Artificial Insemination of Livestock and Poultry	3		90	PAI331

66	Thực hành thiết kế xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi	Practice in the design and construction of husbandry farms	2		60	PDC321
67	Thực hành Phẫu thuật ngoại khoa Thú y	Advanced Practice in Veterinary Surgery	3	0	90	PVS331
68	Thực hành Ngoại - Sản khoa thú y	Practice in Veterinary Surgery - Obstetrics	3	0	90	PSO331
69	Thực hành Spa thú cưng	Pet Spa Practice	2	0	60	PSP331
70	Thực hành Chẩn đoán và điều trị bệnh cho thú cưng	Advanced Practice in Diagnosis and Treatment for Pets	2	0	60	DTP331
71	Thực hành chăm sóc, và huấn luyện thú cưng	Caring and Training Practice for Pets	2	0	60	CTP331
72	Thực hành Ngoại - Sản thú cưng	Practice in Surgery - Obstetrics for Pets	2		60	SOP331
III. Kiến thức bổ trợ		Supplemental Knowledge	10			
a) Các học phần bắt buộc		Obligatory Subjects	4			
73	Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành	Animal Welfare and Specialized Law	2	30		AWS321
74	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Method of Scientific Research	2	30		MSR321
b) Các học phần tự chọn (tích lũy đủ 6 TC)		Optional Subjects (the accomplishment of 6 credits is required)	6			
75	Marketing	Marketing	3	45		MAR431
76	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh	Business Communication and Negotiation	3	45		BCN431
77	Khởi sự kinh doanh	Entrepreneurship	3	45		ENT431
78	Phân tích Chuỗi giá trị	Value Chain Analysis	3	45		VCA431
79	Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp	Blockchain Application in Agribusiness	3	45		BAA431
80	Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm	Brand Creation and Development	3	45		BCD431
81	Quản trị doanh nghiệp	Business Administration	3	45		BAD431
82	Bảo quản và chế biến nông sản	Preservation and Processing of Agricultural Products	3	45		PPA431

83	Hệ thống nông lâm kết hợp	Agroforestry System	3	45		ASY431
84	Công nghệ thực phẩm	Food Technology	3	45		FTE431
85	Quản lý nguy cơ sinh học	Biological Risk Management	3	45		BRM431
86	Trồng trọt chuyên khoa	Specialized Cultivation	3	45		SCU431
87	Công nghệ môi trường	Environmental Technology	3	45		ETE431
V.	Kiến tập và Thực tập nghề nghiệp	Professional Internship	8		480	
a)	Học phần bắt buộc	Professional Internship (Required)	3			
88	Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại	Field trip study: Visiting animal feed factory, veterinary medicine company and farm	1		60	FTS511
89	Tiêm phòng chống dịch	Injection and Disease Prevention for Animal	2		120	IDP521
b)	Học phần tự chọn (tích lũy đủ 5 TC)	Professional Internship (Optional, the accomplishment of 5 credits is required)	5			
90	Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm	Management, Prevention and Treatment diseases in Poultry	5		300	MPO551
91	Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi lợn	Management, Prevention and Treatment diseases in Pig	5		300	MPI551
92	Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia súc nhai lại	Management, Prevention and Treatment diseases in Ruminant	5		300	MRU551
93	Thực tập tốt nghiệp	Animal Science Thesis	10		600	AST7101
VI. Rèn nghề		Professional skill Practice	5		300	
a)	Học phần bắt buộc	Obligatory Subjects	2			
94	Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y	Planning production and use management software, trading feed, veterinary medicine	1		60	PPU611
95	Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	Basic Laboratory Skills	1		60	BLS611

b)	Học phần tự chọn (tích lũy đủ 3 TC)	Optional Subjects (the accomplishment of 3 credits is required)	3			
96	Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia cầm	The Organization and Management of Poultry Farms	3		180	POF631
97	Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho lợn	The Organization and Management of Pig Farms	3		180	PIF631
98	Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia súc nhai lại	The Organization and Management of Ruminant Farms	3		180	RUF631
Tổng cộng		Total	121			

3. Kế hoạch đào tạo

1. Năm thứ nhất

* Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 1	1	0	30
2	Sinh học	3	40	10
3	Hóa học	4	50	10
4	Toán cao cấp	2	30	0
5	Tiếng Anh 1	3	45	0
6	Xã hội học đại cương	2	30	0
	Cộng	15	195	50

* Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 2	1	0	30
2	Vật lý	2	30	0
3	Triết học Mác - Lênin	3	45	0
4	Tiếng Anh 2	3	45	0
5	Xác suất thống kê	3	45	0
6	Tin học đại cương	3	15	60
7	Vi sinh vật đại cương (ĐLKTVN,.)	2	24	12
8	TTNN: Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại	1		60
	Cộng	18	204	162

2. Năm thứ hai

* Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	GDTC 3	1		30
2	Tiếng Anh 3	3	45	0
3	Cơ thể học động vật	5	65	20
4	Sinh hóa - Sinh lý động vật	5	65	20
5	Di truyền và Giống vật nuôi	3	37	16
6	Kinh tế chính trị	2	30	
7	Rèn nghề: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm	1		60
	Cộng	20	242	146

*** Học kỳ 2**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Dược lý học thú y	2	26	8
2	Khoa học quản lý (STMT,..)	2	30	0
3	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	52	16
4	Nội - Chăn thú y	3	37	16
5	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	39	12
6	Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y	1		60
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
8	Giáo dục quốc phòng-An ninh (165 tiết = 5 tuần)	-		
	Cộng	17	214	112

2. Năm thứ ba

*** Học kỳ 1**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Chăn nuôi gia cầm	4	50	20
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
3	Bệnh truyền nhiễm thú y	4	52	16
4	Ngoại - sản thú y	3	35	20
5	Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gia súc nhai lại	3		180

6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
7	TTNN: Tiêm phòng chống dịch	2		120
	Cộng	20	197	356

*** Học kỳ 2**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0
2	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	3	39	12
3	Chăn nuôi lợn	4	52	16
4	Công nghệ sinh sản	2	26	8
5	Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm	5		300
		16	117	336

4. Năm thứ tư

Học kỳ 1:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Môn bổ trợ tự chọn 1	3	15	30
2	Môn bổ trợ tự chọn 2	3	15	30
3	Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành	2	30	
4	Vệ sinh gia súc	2	30	
5	Kiểm nghiệm thú sản	3	41	8
	Cộng	13	131	68

***Học kỳ 2**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
	Thực tập tốt nghiệp 1	10		600
	Cộng	10	0	600

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường Đại học Nông lâm

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
= 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
= 45 giờ tự học
= 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở.

= 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

- b. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của trường Đại học Nông lâm. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

5. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các môn học

5.1. Triết học Mác –Lênin – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị kiến thức những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy nhằm hình thành thế giới quan và phương pháp luận chung nhất cho nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng. Nội dung học phần gồm:

Phần I: Khái lược về triết học và lịch sử triết học

Chương I: Khái lược về triết học

Chương II: Khái lược về lịch sử triết học trước Mác

Chương III: Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin

Chương IV: Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại

Phần II: Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin

Chương V: Vật chất và ý thức

Chương VI: Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

Chương VII: Những cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương VIII: Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

Chương IX: Lý luận nhận thức

Chương X: Hình thái kinh tế - xã hội

Chương XI: Giai cấp và dân tộc

Chương XII: Nhà nước và cách mạng xã hội

Chương XIII: Ý thức xã hội

Chương XIV: Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người

5.2. Kinh tế chính trị - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Kinh tế chính trị là một môn khoa học xã hội nghiên cứu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa đặt trong mối quan hệ với chính trị dưới nhãn quan của chính trị gia. Kinh tế chính trị là học phần cung cấp các khái niệm và hệ thống kiến thức cơ bản nhất cho khoa kinh tế hiện đại như cung cầu, lợi nhuận, tự do thương mại... Nhiều quan điểm của các trường phái kinh tế chính trị đã trở thành các tín hiệu mang tính ý thức hệ của các nhà kinh tế học và các chính trị gia.

5.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần trang bị kiến thức các lý thuyết về kinh tế-chính trị-xã hội do Các Mác và Ănggen sáng tạo. Học phần này là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lenin, nghiên cứu sự vận động xã hội nhằm thủ tiêu chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, tiến tới xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo nghĩa hẹp thì chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Marx-Lenin. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên dựa trên phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời cũng dựa trên những cơ sở lý luận khoa học về các quy luật kinh tế, quan hệ kinh tế... để luận giải một cách khoa học về quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử có tính toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội.

5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này cung cấp một hệ thống quan điểm và tư tưởng của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng được Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết, hệ thống hóa. Hệ thống tư tưởng này bao gồm những quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; vận dụng và phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, người học sẽ nâng cao ý thức thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để ngày càng hoàn thiện bản thân và góp phần xây dựng đất nước.

5.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung học phần này trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng trong sự vận động, phát triển và những mối liên hệ nội tại của nó. Trên cơ sở đó so sánh với yêu cầu thực tiễn để phân tích, đánh giá các hoạt động của Đảng; khẳng định những thắng lợi, thành tựu và những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; khái quát được các sự kiện và biến cố lịch sử, vạch ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động của lịch sử.

Việc nghiên cứu, học tập học phần này cũng có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục về truyền thống cách mạng, về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về lòng tự hào đối với Đảng và đối với dân tộc Việt Nam; đồng thời còn có tác dụng bồi dưỡng ý chí chiến đấu cách mạng, thôi thúc ở người học ý thức biết noi gương những người đã đi trước, tiếp tục cuộc chiến đấu dũng cảm ngoan cường, thông minh, sáng tạo để bảo vệ và phát triển những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã tốn biết bao xương máu để giành được, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5.6. Hóa học – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (50 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Hóa học gồm 6 chương gồm 50 tiết lý thuyết và 10 tiết thực hành. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về cân bằng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học; áp dụng giải thích sự chuyển dịch của các phản ứng thuận nghịch; tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng. Đồng thời cung cấp khái niệm, kiến thức cơ bản đại cương về dung dịch. Nghiên cứu về thành phần cấu tạo và hàm lượng mẫu khảo sát: phân tích định tính, định lượng, xác định cấu trúc, đánh giá kết quả và chất lượng sản phẩm, tách, phân chia, làm sạch, điều chế các hợp chất siêu tinh khiết...vv.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên một số nội quy cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu các thí nghiệm về ảnh hưởng của các yếu tố đến cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng, giải thích, vận dụng vào thực tiễn; thực hành xác định giá trị pH của một số loại dung dịch thường gặp; nghiên cứu về các thí nghiệm chuẩn độ, xác định hàm lượng của mẫu phân tích.

5.7. Sinh học – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (40 tiết lý thuyết/10 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Sinh học gồm 7 chương. Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên nội dung kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của cơ thể sống, các cấp độ tổ chức của cơ thể sống, các phương thức trao đổi chất chủ yếu trong tế bào sống, sự sinh sản sinh trưởng và phát triển của các cơ thể sống, khả năng cảm ứng và thích nghi với môi trường sống của sinh vật, sự tiến hóa của sinh vật, ứng dụng của Sinh học trong ngành nông lâm nghiệp...vv.

Phần thực hành trang bị cho sinh viên một số nội quy cơ bản trong phòng thí nghiệm; nghiên cứu và thực hành làm tiêu bản sống thực vật; quan sát một số tiêu bản cố định về tế bào động vật; quan sát trực quan cơ quan sinh sản của một số loài hoa; quan sát và phân loại một số quả nhằm thực tế hóa nội dung lý thuyết giúp người học khắc sâu kiến thức.

5.8. Xã hội học đại cương – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

5.9. Vật lý – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Vật lý gồm 5 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết bài tập, thảo luận. Phần lý thuyết: trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về cơ học, các dạng chuyển động cơ bản gắn với thực tiễn, các định luật cơ bản của Niu ton; các khái niệm và các hiện tượng thường gặp trong cơ học chất lỏng, phân tích những ứng dụng quan trọng của cơ học chất lỏng trong nông nghiệp, lâm nghiệp; trang bị những kiến thức cơ bản về điện từ trường, sóng điện từ và ứng dụng vào các chuyên ngành của nông lâm; cung cấp một số kiến thức về quang sóng, quang lượng tử, các quá trình quang sinh; các kiến thức cơ bản về vật lý hạt nhân và sử dụng một số kỹ thuật hạt nhân trong nông nghiệp công nghệ cao. Phần bài tập, thảo luận: Yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức đã

học trong từng chương để giải quyết những bài toán thực tế: giải thích các hiện tượng, ứng dụng kiến thức đã học vào đúng chuyên ngành đang theo học.

5.10. Toán cao cấp – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Toán cao cấp gồm 3 chương với 17 tiết lý thuyết và 13 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Trang bị các khái niệm về ma trận, các phép toán trên ma trận, ứng dụng của ma trận trong các bài toán thực tế; hệ phương trình tuyến tính (PTTT), cách giải hệ PTTT; phương trình vi phân (PTVP), các dạng phương trình vi phân và một số ứng dụng của phương trình vi phân; một số dạng toán tối ưu trong nông lâm nghiệp và các phương pháp giải bài toán tối ưu. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên ứng dụng các phương pháp đã học vào giải các bài toán, đặc biệt sử dụng thành thạo phần mềm (Excel) trên máy để giải các bài toán về ma trận, hệ PTTT và các bài toán tối ưu.

Trang bị kỹ năng tính toán cơ bản, rèn luyện kỹ năng phân tích, mô hình hóa toán học một số bài toán thực tế như: Bài toán quản lý kinh doanh, sản xuất; Bài toán khẩu phần thức ăn chăn nuôi; Bài toán tính hàm lượng hóa chất tồn dư trong môi trường và thực phẩm; Bài toán tối ưu trong Nông lâm nghiệp. Trang bị cho sinh viên các một số phần mềm giải toán, từ đó SV áp dụng để giải các BT toán trong học phần và áp dụng trong các bài toán thực tế.

5.11. Tiếng Anh 1 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: thì hiện tại đơn giản; thì quá khứ đơn giản ; thì hiện tại tiếp diễn ; thì quá khứ tiếp diễn ; Like/ would like ; modal verbs ; các cấp so sánh của tính từ.

Từ vựng: Các cụm động từ chỉ các hoạt động thường ngày và trong thời gian rảnh rỗi; tính từ ; các cách diễn đạt về thời gian ở hiện tại và trong quá khứ; các từ miêu tả cảm giác, trạng thái; phương tiện giao thông.

Đọc hiểu: sức khỏe; thể thao; phương tiện giao thông; thám hiểm.

Nghe: sức khỏe; thể thao; phương tiện giao thông; thám hiểm.

Nói: hoài bão; kể chuyện.

Viết: từ nói; báo cáo; câu chuyện đã xảy ra.

Phát âm: âm / s/, /z/, /iz/, /d/, /t/, /id/, /η/.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Đọc lướt nắm ý chính; đọc hiểu tìm một số thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ trong ngữ cảnh; Nghe nắm ý chính, nghe phát hiện 1 số thông tin chi tiết, nghe đoán từ; Khả năng thực hiện những cuộc hội thoại đơn giản và các mẫu câu đơn giản để truyền đạt thông tin, phản hồi với các thông tin do người khác đưa ra trong phạm vi chương trình; Kỹ năng viết câu có nội dung nằm trong phạm vi những chủ đề đã học trong chương trình.

5.12. Tiếng Anh 2 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: danh từ đếm được và danh từ không đếm được; từ chỉ số lượng, mạo từ; thì tương lai với be going to, will; thì hiện tại tiếp diễn ám chỉ đến tương lai gần; giới từ chỉ nơi chốn; thì hiện tại hoàn thành; mệnh đề quan hệ và câu điều kiện loại 1.

Từ vựng: từ chỉ chất liệu; từ nói; từ đồng nghĩa; từ chỉ nghề nghiệp; hậu tố; tiền tố.

Đọc hiểu: môi trường; cuộc sống; sự kiện; nơi làm việc; thám hiểm.

Nghe: môi trường; kế hoạch và dự định; phỏng vấn công việc; tầm quan trọng của công nghệ; phát minh mới.

Nói: trình bày báo cáo; phỏng vấn.

Viết: báo cáo; thư điện tử; miêu tả; CV; đoạn văn; từ nói; câu chủ đề.

Phát âm: âm / tə/, /ð ə/, /ð i/, /w/, ngữ điệu trong câu điều kiện.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Đọc lướt nắm ý chính; đọc hiểu tìm một số thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ trong ngữ cảnh; Nghe nắm ý chính, nghe phát hiện 1 số thông tin chi tiết, nghe đoán từ; Khả năng thực hiện những cuộc hội thoại đơn giản và các mẫu câu đơn giản để truyền đạt thông tin, phản hồi với các thông tin do người khác đưa ra trong phạm vi chương trình; Kỹ năng viết câu có nội dung nằm trong phạm vi những chủ đề đã học trong chương trình.

5.13. Tiếng Anh 3 – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi về Ngữ pháp (cấu trúc câu, thì động từ...), Ngữ âm (trọng âm & ngữ điệu), và Từ vựng (từ & cấu tạo từ); Củng cố những hiện tượng cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng đã nêu làm cơ sở thực hành trong giao tiếp; Hình thành bước đầu các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo; Những khái niệm cơ bản về quan hệ liên môn giữa Ngôn ngữ, Văn hoá và hành động lời nói.

Ngữ pháp: Câu bị động (hiện tại và quá khứ); thì quá khứ hoàn thành; cấu trúc Used to...; câu gián tiếp; đại từ bất định; câu điều kiện loại 2;

Từ vựng: cụm động từ; từ liên quan đến kỳ nghỉ; giới từ độc lập; phân loại động vật; thời tiết.

Đọc hiểu: lịch sử; ngôn ngữ; du lịch và kỳ nghỉ; thiên nhiên.

Nghe: học ngôn ngữ; du lịch; thiên nhiên.

Nói: kế hoạch cho kỳ nghỉ; dự đoán tương lai.

Viết: thư; tiểu sử.

Phát âm: âm /s /, /z/, /trọng âm.

Học xong học phần này, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, soạn thảo văn bản bằng tiếng Anh, đọc tài liệu bằng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp.

5.14. Tin học đại cương – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (15 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị kiến thức về máy tính và mạng máy tính, kỹ năng sử dụng các ứng dụng tin học cơ bản. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Sử dụng thành thạo máy vi tính; thao tác được trên hệ điều hành Windows và một số chương trình ứng dụng; biết cách quản lý và khai thác các thông tin trên máy vi tính một cách có hiệu quả, sử dụng máy tính một cách an toàn và có hiểu biết về pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin; Sử dụng thành thạo Microsoft Word để soạn thảo và trình bày một văn bản hoàn chỉnh theo mẫu, sử dụng được một số công cụ phụ trợ nhằm xử lý văn bản nhanh hơn; Sử dụng được Microsoft Excel để xây dựng một cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh nhằm giải quyết các bài toán thực tế; Sử dụng các hàm tính toán trong Excel từ cơ bản đến phức tạp để tính toán, thống kê, trích lọc thông tin cần thiết; Sử dụng được Microsoft PowerPoint để tạo một bài thuyết trình hấp dẫn và có hiệu quả; Biết cách khai thác, kết nối các thông tin có sẵn trên Internet nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu; biết sử dụng thư điện tử để gửi và nhận tài liệu.

5.15. Xác suất – Thống kê – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Toán cao cấp

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Xác suất thống kê gồm 2 phần: Xác suất và thống kê với 27 tiết lý thuyết và 18 tiết thảo luận. Phần lý thuyết: Trang bị các kiến thức về phép thử, biến cố, xác suất của các biến cố; biến ngẫu nhiên (BNN), quy luật phân phối xác suất và các tham số đặc trưng của BNN; tổng thể, mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu và cách tính; ước lượng tham số; kiểm định tham số; tương quan và hồi quy. Phần thảo luận: Yêu cầu sinh viên tính được xác suất của các biến cố thông qua các công thức; xác định được quy luật phân phối xác suất và tính được các tham số đặc trưng của BNN; giải thành thạo các bài toán về ước lượng, kiểm định tham số, tìm được hệ số tương quan và viết được phương trình hồi quy của hai biến ngẫu nhiên.

5.16. Khoa học quản lý – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Khoa học quản lý giúp học viên được trang bị những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học quản lý. Trên cơ sở đó học viên có khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn quản lý, tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể đi sâu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề lý luận hoặc thực tiễn thuộc các lĩnh vực riêng biệt hoặc mang tính chất liên ngành. Học viên có thể làm chủ tri thức khoa học quản lý, khoa học và công nghệ hiện đại, giải quyết nhanh và hiệu quả các vấn đề của thực tiễn quản lý; có năng lực sáng tạo, phân tích và đánh giá chính sách quản lý; có năng lực thích ứng nhanh và hợp lý trước những biến đổi của môi trường quản lý; có năng lực tổ chức, huy động và thuyết phục quần chúng thực hiện mục tiêu của tổ chức.

Học phần Khoa học quản lý: Khoa học quản lý là môn học mang tính ứng dụng và thực tiễn cao. Học phần được thiết kế thành 6 chương, mỗi chương được biên soạn theo trình tự, trình bày một cách logic, khoa học, chi tiết nội dung của từng vấn đề, từ đó rút ra ý nghĩa của việc học tập và nghiên cứu. Nội dung chính bao gồm:

Chương 1: Nhập môn khoa học quản lý

Chương 2: Nguyên tắc, chức năng và phương pháp quản lý

Chương 3: Cán bộ quản lý

Chương 4: Thông tin trong quản lý

5.17. Vi sinh vật đại cương - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (24 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lý, sinh hoá, di truyền... của các nhóm vi sinh vật thường gặp trong tự nhiên và trong cơ thể người, động vật như: vi khuẩn, virút, nấm men, nấm mốc... Ngoài ra, môn học còn nghiên cứu tác động của các nhân tố ngoại cảnh tới vi sinh vật, nghiên cứu những mặt có lợi và có hại của vi sinh vật trong đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, từ hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng và ứng dụng của vi sinh vật trong học tập, nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất.

Ngoài ra, học phần còn làm tiền đề, cơ sở để sinh viên tiếp thu kiến thức của các môn chuyên ngành khác như: vi sinh vật học thú y, bệnh truyền nhiễm... đồng thời, có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác nghiên cứu vi sinh vật.

5.18. Sinh thái môi trường – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học được chia làm 5 phần chính: Khái niệm chung trong sinh thái học; Sinh thái học cá thể; Quần thể, quần xã sinh vật; Hệ sinh thái; Sinh thái học với quản lý tài nguyên môi trường. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh thái học; mối quan hệ tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường. Trên cơ sở đó ứng dụng vào việc xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp cân bằng và hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững đồng thời quản lý, bảo vệ môi trường sống và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và hiệu quả.

5.19. Địa lý kinh tế Việt Nam – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Địa lý kinh tế là một môn khoa học kinh tế - xã hội, nghiên cứu về thực trạng và định hướng phát triển các nguồn lực tự nhiên của Việt Nam. Khả năng hội nhập của Việt Nam trong khu vực và trên Thế giới; Các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; Tổ chức lãnh thổ các ngành, các vùng kinh tế của Việt Nam.

5.20. Nhà nước và pháp luật – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Nhà nước và pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các khái niệm pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật; những nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

5.21. Ô nhiễm Môi trường – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Hóa học, vi sinh vật đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Ô nhiễm môi trường nhằm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng cho sinh viên các trường học thuộc khối ngành nghề quản lý và kỹ thuật, cũng như những người đang làm việc trong các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường học và cơ quan Nhà nước. Học phần ô nhiễm môi trường cung cấp cho sinh viên cách nhìn tổng quan các kiến thức về môi trường, thành phần môi trường, vai trò của môi trường, mối quan hệ giữa phát triển với phát triển bền vững. Học phần giới thiệu về những khái niệm cơ bản của các loại ô nhiễm môi trường chính, nguyên nhân gây ô nhiễm, tác nhân, tác hại gây ô nhiễm môi trường cũng như các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Học phần được gồm 5 nội dung chính như sau: Cơ sở lý luận ô nhiễm môi trường, Ô nhiễm môi trường không khí, Ô nhiễm môi trường nước, Ô nhiễm môi trường đất và các dạng ô nhiễm môi trường khác.

5.22. Sinh học phân tử - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Sinh học

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh học phân tử là học phần về tổ chức sự sống ở mức độ phân tử, cung cấp kiến thức nền tảng về các đại phân tử sinh học (DNA, RNA, protein) và cách tổ chức, hoạt động của sự sống ở cấp độ phân tử. Là nền tảng để sinh viên hiểu được các phương pháp kiểm nghiệm, đánh giá thực phẩm sử dụng các công cụ Sinh học phân tử.

5.23. Phương pháp tiếp cận khoa học - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần “Phương pháp tiếp cận khoa học” nhằm giúp cho sinh viên biết cách tiếp cận với khoa học, một số phương pháp nghiên cứu khoa học, cách xác định và lựa chọn vấn đề nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu, cách viết báo cáo và công bố kết quả của đề tài khoa học. Khi học xong học phần này, sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất để tham gia nghiên cứu khoa học. Về kỹ năng: Học phần “Phương pháp tiếp cận khoa học” giúp cho sinh viên có khả năng tư duy logic khoa học, biết suy luận khoa học và biết phân tích khoa học.

5.24. An toàn lao động – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Hóa học, Vật lý, Sinh học, Vi sinh vật đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học An toàn lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng cho học sinh, sinh viên các trường học thuộc khối ngành nghề quản lý và kỹ thuật như: Thú Y, Công nghệ thực phẩm, Khoa học Môi trường, Nông nghiệp công nghệ cao, ...vv, và cho những người đang làm việc trong các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường học và cơ quan Nhà nước. Môn học An toàn lao động giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về an toàn lao động, vệ sinh lao động như: lao động; yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc; tai nạn lao động và những nguyên nhân gây tai nạn trong lao động; Khái niệm về bảo hộ lao động, tính chất của bảo hộ lao động; văn hóa an toàn lao động và số hóa và an toàn lao động. Môn học giới thiệu Hệ thống chính sách pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Việt Nam như: Luật An toàn, vệ sinh lao động; Chính sách bảo hộ đối với người lao động đặc biệt, nguy hiểm; Các Nghị định, Quyết định của Chính phủ; **Thông tư của Bộ và liên Bộ** và Hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động.

Môn học an toàn lao động cung cấp cho người học nắm được những kiến thức cơ bản, cần thiết về an toàn, vệ sinh lao động như: Điều kiện lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; cách phòng tránh các yếu tố có hại, các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng tránh sự cố tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động; xử lý các tình huống sự cố trong sản xuất và sơ cứu tai nạn lao động (lý thuyết và thực hành); xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động; xây dựng văn hóa an toàn trong sản xuất; biết được quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động.

Hơn thế nữa, môn học còn trang bị cho người học những kiến thức về kỹ thuật an toàn lao động như: Kỹ thuật an toàn điện; kỹ thuật an toàn hóa chất; an toàn khi sử dụng thiết bị áp lực; an toàn khi làm việc với thiết bị nâng; an toàn cháy, nổ và kỹ thuật vi sinh an toàn phòng thí nghiệm.

5.25. Tay không, điện kinh – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tập các động tác thể dục tay không và thực hiện các nội dung điền kinh như chạy... Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.26. Bóng chuyền – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng chuyền. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.27. Cầu lông – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn cầu lông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.28. Đá cầu – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn đá cầu. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.29. Võ – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn võ thuật. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.30. Bóng rổ - 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng rổ. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.31. Bóng đá – 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/30 tiết thực hành/30 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng môn bóng đá. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nâng cao được ý thức thường xuyên rèn luyện sức khỏe để có tinh thần học tập và làm việc tốt hơn.

5.32. Cơ thể động vật - 5 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 5 tín chỉ (65 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/150 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Sinh hóa – sinh lý động vật

Học phần trang bị kiến thức về cấu tạo đại thể và vi thể của cơ thể động vật, làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành.

Học phần gồm có 2 nội dung chính: Phần 1 trang bị cho người học các kiến thức về đơn vị nhỏ nhất của cơ thể (Tế bào học), về các tổ chức/mô đại cương của cơ thể (Tổ chức học đại cương), về cấu tạo vi thể của các hệ cơ quan như: hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,... (Tổ chức học chuyên khoa) và về Phôi thai học. Phần 2: Giải phẫu động vật trang bị cho sinh viên những kiến thức về vị trí, hình dạng, cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể gia súc (trâu, bò, ngựa, lợn, dê) và gia cầm (gà). Đây là kiến thức làm nền tảng cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành như Chẩn đoán bệnh thú y, Chẩn đoán hình ảnh, Miễn dịch học thú y, Bệnh lý học thú y, Công nghệ sinh sản, Chăn nuôi chuyên khoa,... Sau khi học học phần Tổ chức và phôi thai học sinh viên có khả năng đọc được tiêu bản vi thể, mô tả cấu tạo của các tổ chức, cơ quan; giải thích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng, đồng thời có các ứng dụng trong thực tiễn.

5.33. Sinh hóa - sinh lý động vật – 5 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 5 tín chỉ (65 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/150 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Hoá hữu cơ

Học phần tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về: *i)* Cấu tạo, thành phần hóa học, tính chất lý hóa, chức năng sinh học của các chất trong cơ thể sống: máu, cơ, sinh dịch... *ii)* Sự chuyển hóa của các thành phần cấu tạo nên cơ thể sống, các biến đổi của từng cơ quan, mô bào trong quá trình trao đổi chất ở cơ thể động vật. *iii)* Sự tiêu hóa, hấp thu ở động vật, sự tổng hợp, phân giải, các hoạt động bình thường của cơ thể gia súc gia cầm và các cơ chế bệnh lý, sự rối loạn quá trình trao đổi chất. *iv)* Sự điều hòa các hoạt động chức năng để sinh trưởng, phát triển và thích nghi với sự biến đổi của môi trường, những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường sống đến cấu trúc - chức năng của các hệ thống cơ quan và toàn bộ cơ thể vật nuôi.

5.34. Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Sinh Hóa- Sinh lý động vật

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Sinh hóa – Sinh lý động vật

Tóm tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết về: *i)* Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với vật nuôi, *ii)* Phương pháp đánh giá chất lượng protein và giá trị dinh dưỡng của thức ăn, *iii)* Nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi, *iv)* Đặc điểm của các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, *v)* Đặc điểm của cây thức ăn xanh và kỹ thuật trồng, *vi)* Phương pháp sản xuất thức ăn hỗn hợp.

5.35. Dược lý học thú y – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/ 8 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: Hóa sinh động vật, Sinh lý động vật, Mô phi động vật...

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào những kiến thức cơ bản về dược lý học, dược động học, cơ chế tác dụng của thuốc; thuốc tác dụng lên các cơ quan chuyên biệt của cơ thể; thuốc tác dụng chuyển hóa, kích thích sinh trưởng, thuốc chống vi trùng, chống nấm, virus, thuốc trị ký sinh trùng và hướng dẫn cách sử dụng thuốc phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

5.36. Di truyền - Giống vật nuôi - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh học, Sinh hóa – sinh lý động vật

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật

Học phần song hành: Miễn dịch học thú y, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về: *i)* cơ sở di truyền các tính trạng và tập tính ở động vật; di truyền miễn dịch ở động vật làm cơ sở cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành thú y; *ii)* nguồn gốc, quá trình thuần hóa, sự thích nghi và đặc điểm của các giống vật nuôi; *iii)* cơ sở

khoa học và các phương pháp đánh giá, chọn, tạo, nhân giống vật nuôi nhằm đặt nền tảng cho sinh viên hiểu các bệnh liên quan dựa trên nguồn gốc, ngoại hình và sức khỏe của vật nuôi.

Học phần này giúp sinh viên (iv) hiểu được bản chất, tầm quan trọng của con giống và cách tạo ra con giống trong chăn nuôi từ đó giải thích được bản chất của một số bệnh liên quan đến sinh sản, v) có kỹ năng xây dựng hệ phổ trên phần mềm trong chọn giống. Thành thạo thực hiện nhận dạng, đánh giá và phân loại được ngoại hình thể chất giống từ đó tuyển chọn được con giống đáp ứng nhu cầu sản xuất. Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học trong nghiên cứu khoa học cũng như phát triển kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong việc chọn ra các con giống có khả năng kháng bệnh trong chăn nuôi.

5.37. Bệnh lý học thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật.

Học phần học trước: Dược lý học thú y, Miễn dịch học thú y, Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y.

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y.

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Bệnh lý học thú y là môn học nghiên cứu về những thay đổi chức năng và hình thái của mô và tế bào khi cơ thể bị bệnh. Đây là môn học tiền lâm sàng của ngành Thú y và là cầu nối giữa các môn cơ sở và môn lâm sàng khác. Học phần này trang bị cho người học một số nguyên lý cơ bản trong bệnh lý học làm cơ sở cho chẩn đoán bệnh. Đồng thời trang bị cho sinh viên ngành thú y những hiểu biết cơ bản về đặc điểm bệnh lý chuyên khoa bao gồm các đặc điểm bệnh lý ở các cơ quan cơ thể của động vật, các đặc điểm bệnh lý do các nguyên nhân khác nhau gây ra ở động vật giúp cho các bác sỹ thú y có thể chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt giữa các bệnh nhanh chóng và chính xác từ đó đưa ra được các phác đồ điều trị hợp lý và hiệu quả các bệnh ở động vật.

5.38. Chẩn đoán hình ảnh – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/ 8 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh lý học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y...

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật

Học phần song hành: Dịch tễ học thú y, Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin, Công nghệ sinh sản, Bệnh truyền nhiễm thú y, Ngoại khoa thú y...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chẩn đoán hình ảnh trang bị cho sinh viên các kiến thức về: cơ sở vật lý, nguyên lý, kỹ thuật của các Phương pháp Chẩn đoán hình ảnh như: X quang thường quy, siêu âm các cơ quan trong cơ thể gia súc như: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng những kiến thức đại cương về sử dụng máy siêu âm, X quang trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi; biết cách siêu âm một số cơ quan trong cơ thể: tim, phổi, mạch máu, hệ sinh dục, tiết niệu, xương, khớp, thần kinh, tiêu hóa; biết

cách chụp X quang để chẩn đoán các bệnh liên quan đến xương, khớp, thần kinh, ổ bụng và răng hàm mặt.

5.39. Thực hành Chẩn đoán lâm sàng thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/120 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Học phần học trước: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật

Học phần song hành: Bệnh lý học thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y...

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Chăn nuôi thú y chất lượng cao các phương pháp cố định và thao tác khám lâm sàng chung trên trâu, bò, dê, lợn, chó mèo và gia cầm (vật nuôi), các phương pháp khám các hệ cơ quan, phương pháp siêu âm, chụp X-quang, chọc dạ cỏ, chọc dạ lá sách trên dê; chọc dò xoang bụng trên dê, lợn. Ngoài ra, học phần này cũng giúp cho sinh viên các thao tác về cách sử dụng trang thiết bị hiện đại để chẩn đoán bệnh cho gia súc, gia cầm phổ biến hiện nay như máy siêu âm, máy nội soi, máy chụp X-quang... Cuối cùng, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của Bác sỹ thú y trong thực tiễn.

5.40. Thực hành Chẩn đoán phi lâm sàng thú y – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (0 tiết lý thuyết/ tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật, Bệnh truyền nhiễm thú y

Môn học trước: Vi sinh vật đại cương, Sinh hóa - Sinh lý động vật, Nội -chân thú y, Bệnh lý học thú y, chẩn đoán hình ảnh.

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về chẩn đoán phi lâm sàng thông qua phương pháp xét nghiệm mẫu, sử dụng một số thiết bị hiện đại để chẩn đoán bệnh cho gia súc, gia cầm như: siêu âm, xét nghiệm máu, nước tiểu, xét nghiệm vi sinh vật; Chẩn đoán bệnh qua sự biến đổi của tổ chức lành và tổ chức bệnh lý.

5.41. Chăn nuôi lợn – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (52 tiết lý thuyết/ 16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: (1) Đặc điểm sinh vật học và sức sản xuất của lợn; (2) Giống và công tác giống trong chăn nuôi lợn; (3) Dinh dưỡng và thức ăn cho các loại lợn; (4) Kỹ thuật chăn nuôi các loại lợn đực và nái sinh sản, lợn con và lợn thịt thương phẩm và (5) Tổ chức, sản xuất và giải pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn.

5.42. Chăn nuôi gia cầm – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (50 tiết lý thuyết/ 20 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: Sinh lý động vật, Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Học phần song hành: Không

Học phần CNGC cung cấp cho người học kiến thức về: i) Nguồn và phương pháp cập nhật, sử dụng thông tin giống gia cầm vào sản xuất; ii) Kỹ thuật đánh giá sức sản xuất của gia cầm; iii) Phương thức nuôi; iv) Quy trình Kỹ thuật; v) Tổ chức và quản lý sản xuất; vi) Nghiên cứu khoa học, trong ấp trứng và chăn nuôi gia cầm.

5.43. Chăn nuôi gia súc nhai lại – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh lý động vật, Di truyền và Giống vật nuôi, Giải phẫu động vật, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Chăn nuôi gia súc nhai lại trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Nguồn và phương pháp cập nhật, sử dụng thông tin giống trâu, bò vào sản xuất; Kỹ thuật đánh giá sức sản xuất của trâu bò; Phương thức nuôi; Quy trình kỹ thuật, tổ chức và quản lý sản xuất; Nghiên cứu khoa học liên quan đến chăn nuôi trâu, bò.

Nội dung của học phần gồm: i) nguồn gốc, sự thuần hóa và đặc điểm sinh vật học của trâu bò ii) Giống và công tác giống trâu bò; iii) dinh dưỡng và thức ăn cho trâu bò; iv) Chuồng trại nuôi trâu bò; v) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò đực giống; vi) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cái sinh sản; vii) kỹ thuật chăn nuôi bê nghé; viii) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò sữa; ix) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò thịt, x) kỹ thuật chăn nuôi trâu bò cày kéo.

5.44. Bệnh truyền nhiễm thú y – 4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4 tín chỉ (52 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/120 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Dược lý học thú y, Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y, Chẩn đoán bệnh thú y

Học phần song hành: Bệnh lý học thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Bệnh truyền nhiễm thú y là môn khoa học nghiên cứu về: i) Đại cương về bệnh truyền nhiễm thú y (bao gồm khái niệm và các biểu hiện của nhiễm trùng, các loại nhiễm trùng, phương thức tác động của mầm bệnh, các thời kỳ tiến triển của bệnh, các khâu của quá trình sinh dịch, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch, phương thức truyền bệnh truyền nhiễm, nguyên lý và các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm); ii) Truyền nhiễm học chuyên khoa (bao gồm: bệnh truyền nhiễm chung của nhiều loài gia súc, bệnh truyền nhiễm của trâu bò, bệnh truyền nhiễm của lợn, bệnh truyền nhiễm của gia cầm).

5.45. Ký sinh trùng và bệnh ký sinh thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Miễn dịch học thú y, Cơ thể học động vật, Bệnh lý học thú y, Nội – Chẩn thú y, Dược lý thú y

Học phần song hành:

Tóm tắt nội dung môn học: Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ sở của ký sinh trùng thú y (bao gồm những khái niệm, phân loại, các đặc điểm sống của ký sinh trùng, học thuyết tiêu diệt bệnh giun sán, các phương pháp chẩn đoán bệnh ký sinh trùng, biện pháp chẩn đoán và phòng chống bệnh ký sinh trùng); ii) Ký sinh trùng chuyên khoa, bao gồm: sán lá và một số bệnh sán lá, sán dây và một số bệnh sán dây, giun tròn và một số bệnh giun tròn, động vật chân đốt ký sinh và một số bệnh động vật chân đốt, đơn bào và một số bệnh đơn bào ở gia súc và gia cầm.

5.46 . Nội – Chẩn thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (37 tiết lý thuyết/16 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương; Sinh lý – sinh hóa động vật...

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật, Vi sinh vật thú y

Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh

Học phần **Nội Chẩn thú y** cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về i) phương pháp khám bệnh chung, phương pháp khám các hệ cơ quan gia súc, gia cầm: khám hệ tim mạch và kiểm tra máu, khám hệ hô hấp, khám hệ tiêu hóa, khám hệ tiết niệu – sinh dục, khám hệ thần kinh; ii) Các bệnh nội khoa thường gặp ở gia súc, gia cầm.

5.47 . Ngoại - Sản thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (35 tiết lý thuyết/20 tiết thực hành/90 tiết tự học)

+ Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa – Sinh lý động vật

+ Học phần học trước: Công nghệ sinh sản , Dược lý học Thú y, Nội – Chẩn Thú y

+ Học phần song hành: Bệnh truyền nhiễm Thú y, Bệnh ký sinh trùng Thú y

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Ngoại - Sản thú y, đồng thời nghiên cứu về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và các phương pháp điều trị bệnh Ngoại - sản ở gia súc. Học phần ngoại - sản thú y bao gồm 8 chương. Chương 1. Những kỹ thuật cơ bản của ngoại khoa thú y như: gây mê, gây tê, chảy máu, cầm máu, kết nối mô bào và đề phòng nhiễm trùng khi phẫu thuật. Chương 2. Phương pháp phẫu thuật các cơ quan ở gia súc. Chương 3. Bệnh học ngoại khoa, phân loại nhiễm trùng ngoại khoa, các nhân tố ảnh hưởng đến nhiễm trùng ngoại khoa và những nguyên tắc đề phòng nhiễm trùng ngoại khoa. Chương 4. Những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh trong thời gian gia súc mang thai. Chương 5. Những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh trong thời gian gia súc đẻ. Chương 6. Hiện tượng đẻ khó, nguyên nhân, triệu chứng và các bước can thiệp trong trường hợp đẻ khó. Chương 7. Những nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh trong thời gian gia súc sau đẻ. Chương 8. Bệnh ở tuyến vú, nguyên nhân, triệu chứng và phương pháp điều trị bệnh ở tuyến vú.

5.48 . Kiểm nghiệm thú sản - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (41 tiết lý thuyết/8 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y

Học phần học trước: Vi sinh vật thú y, Nội – Chẩn thú y

Học phần song hành: Luật Thú y

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Kiểm nghiệm thú sản trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các phương pháp bảo quản sản phẩm động vật; phương pháp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y; quy trình kiểm dịch động vật khi vận chuyển; yêu cầu vệ sinh thú y đối với nơi giết mổ, chế biến sản phẩm động vật; kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm trước khi giết mổ; kiểm tra thịt gia súc, gia cầm sau khi giết mổ; bảo quản, chế biến và kiểm tra vệ sinh thú y các sản phẩm động vật ... nhằm mục đích cung cấp cho con người các sản phẩm động vật có giá trị cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng và an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

5.49. Vệ sinh gia súc - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh Truyền nhiễm thú y, Bệnh Nội khoa thú y, KST và bệnh KST thú y...

Học phần tiên quyết: Sinh hóa - Sinh lý động vật; Chăn nuôi chuyên khoa.

Học phần song hành: Luật Thú y; Kiểm nghiệm thú sản; Vệ sinh an toàn thực phẩm

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi. Các tiêu chuẩn vệ sinh gia súc góp phần nâng cao năng suất vật nuôi và phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5.50. Công nghệ sinh sản – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (26 tiết lý thuyết/8 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật.

Học phần Công nghệ sinh sản trong chăn nuôi- thú y bao gồm có 8 chương: Chương 1. Sinh lý sinh dục đực ; Chương 2. Sinh lý sinh dục cái; Chương 3. Kỹ thuật khai thác tinh dịch; Chương 4. Kỹ thuật kiểm tra phẩm chất tinh dịch ; Chương 5. Kỹ thuật pha chế và bảo tồn tinh dịch; Chương 6. Thụ tinh nhân tạo; Chương 7. Cấy truyền phôi; Chương 8. Giới thiệu một số công nghệ sinh sản khác trong chăn nuôi.

Học phần công nghệ sinh sản trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạt động sinh sản của gia súc đực và gia súc cái; sự di chuyển của tinh trùng, tinh trùng và thời gian sống của tinh trùng trong cơ quan sinh dục của gia súc cái và quá trình thụ tinh; kỹ thuật khai thác tinh dịch của gia súc đực, kỹ thuật kiểm tra chất lượng tinh dịch, pha chế, bảo tồn và vận chuyển tinh dịch; kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm; công nghệ cấy truyền phôi bò và khái quát điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi. Học xong học phần công nghệ sinh sản sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức về

hoạt động sinh sản của gia súc đực để thực hiện thành thạo kỹ năng khai thác tinh dịch lợn đực, bò đực và gà trống; phân tích được chất lượng tinh dịch của gia súc đực; áp dụng các kỹ thuật pha loãng, bảo tồn và vận chuyển tinh dịch; thành thạo kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho lợn và vận dụng được kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho bò; hiểu và vận dụng được các bước cơ bản của công nghệ cấy truyền phôi bò và các biện pháp điều khiển giới tính trong sinh sản vật nuôi.

5.51. Độc chất học thú y

Phân bố thời gian: 02 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: Dược lý học thú y, Sinh lý – Sinh hóa động vật

Học phần Độc chất học thú y trang bị các kiến thức: Khái niệm về chất độc, cách chất độc xâm nhập vào cơ thể vật nuôi, tác động của chất độc đối với cơ thể. Biết cách chẩn đoán và điều trị cho động vật khi bị ngộ độc, Biết cách phòng tránh hiện tượng ngộ độc và các biện pháp xử lý phù hợp khi vật nuôi bị ngộ độc.

5.52. Bệnh ở động vật hoang dã – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

+ Môn học tiên quyết: Vi sinh vật đại cương, Bệnh lý học thú y, Nội – Chẩn thú y

+ Môn học trước: Dược lý học thú y

Học phần trang bị những kiến thức về: i) Phân loại bộ thú, phân loại bộ chim, phân loại bộ bò sát, phân loại bộ gặm nhấm); ii) Một số bệnh thường gặp ở bộ thú (bao gồm: bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh nội - ngoại - sản khoa); iii) Một số bệnh thường gặp ở bộ chim (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); iv) Một số bệnh thường gặp ở bộ bò sát (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng); v) Một số bệnh thường gặp ở bộ gặm nhấm (bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng).

5.53. Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Vi sinh vật đại cương

Môn học trước: Dược lý học thú y

Học phần Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin là môn khoa học nghiên cứu về: i) những vấn đề cơ bản về vắc xin (bao gồm: khái niệm và phân loại vắc xin, các đặc tính cơ bản của vắc xin, thành phần của vắc xin, đặc điểm của một số loại vắc xin dùng trong thú y); ii) Công nghệ sản xuất và kiểm nghiệm vắc xin, bao gồm: nguyên lý sản xuất vắc xin, sản xuất vắc xin, một số quy trình sản xuất vắc xin, kiểm nghiệm vắc xin, một số quy trình kiểm nghiệm vắc xin; iii) Sử dụng vắc xin trong phòng bệnh cho gia súc, gia cầm (bao gồm: nguyên lý sử dụng vắc xin, quy luật hình thành kháng thể đặc hiệu sau khi sử dụng vắc xin ở động vật, nguyên tắc khi sử dụng vắc xin, một số loại vắc xin sử dụng phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.

5.54. Vệ sinh an toàn thực phẩm - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành, 60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương, Sinh lý - Sinh hóa động vật.

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm. Các khái niệm cơ bản nhất về thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm. Các kiến thức cơ bản về vi sinh vật lây nhiễm trong thực phẩm, các con đường lây nhiễm vào thực phẩm, đặc điểm của một số vi sinh vật gây bệnh cho con người thông qua thực phẩm, các kiến thức về vệ sinh cơ sở sản xuất thực phẩm, các yêu cầu về vệ sinh đối với thức ăn, đồ uống đường phố ... về hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm như HACCP, ISO, VietGAP trong chăn nuôi, về bộ luật an toàn vệ sinh thực phẩm.

Học phần này giúp sinh viên có khả năng ứng dụng được các kiến thức của môn học trong tổ chức sản xuất, thực hiện và quản lý vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, đối với sản phẩm của chăn nuôi. Người học có các kỹ năng về xác định được các mối nguy và đề ra các giải pháp liên quan tới an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, tổ chức và quản lý trong lĩnh vực thực phẩm nói chung và một phần trong ngành chăn nuôi và thú y.

5.55. Thiết kế và xây dựng chuồng trại - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (41 tiết lý thuyết/8 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi; Di truyền – Giống vật nuôi; Chăn nuôi Gia cầm

Môn học trước:

Học phần Thực hành thiết kế chuồng trại gồm 10 bài.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lựa chọn vị trí, xác định các hợp phần cần có của 1 trại chăn nuôi quy mô công nghiệp. Lựa chọn vật liệu phù hợp với từng hạng mục. Chuồng nuôi đáp ứng các tập tính tự nhiên của vật nuôi, thuận tiện cho chăm sóc, nuôi dưỡng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường.

5.56. Quản trị trang trại – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết; 0 tiết thực hành; 90 tiết tự học)

Học phần học trước: Sinh hoá - Sinh lý động vật, Cơ thể học động vật. Bệnh lý học Thú y

Học phần tiên quyết: Dược lý học Thú y, Nội – Chân thú y.

Học phần song hành: Ngoại khoa thú y, Bệnh ở chó mèo

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị trang trại cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và khái quát về quản trị trang trại, cơ sở khoa học của quản trị trang trại; lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại; những kiến thức về quản lý, thiết lập, tổ chức sản xuất, các nguồn lực sản xuất, kỹ thuật của trang trại và vai trò, tầm quan trọng truy xuất nguồn gốc, ứng dụng trong quản trị trang trại trong thời đại ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 đối với các sản phẩm chăn nuôi. Học xong học phần

Quản trị trang trại sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào xây dựng, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của một trang trại đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

5.57. Một sức khỏe trong thú y - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (24 tiết lý thuyết; 12 tiết thực hành; 60 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Dịch tễ học thú y, Nội – Chẩn Thú y, Bệnh truyền nhiễm thú y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y.

Học phần Một sức khỏe trong Thú y cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức cơ bản của Một sức khỏe, bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến Một sức khỏe, các năng lực cốt lõi Một sức khỏe (Lập kế hoạch và quản lý kế hoạch trong kiểm soát dịch bệnh; Các yếu tố văn hóa, niềm tin và Một sức khỏe; Lãnh đạo, hợp tác, quan hệ đối tác Một sức khỏe; Giá trị đạo đức, tư duy hệ thống Một sức khỏe trong kiểm soát dịch bệnh và an toàn thực phẩm; Truyền thông, thông tin, chính sách và vận động chính sách trong Một sức khỏe) và việc áp dụng năng lực cốt lõi để giải quyết vấn đề Một sức khỏe cụ thể trong cộng đồng (dịch bệnh truyền lây và vấn đề an toàn thực phẩm). Tóm lại, môn học này giúp sinh viên có khả năng xác định được các vấn đề thuộc lĩnh vực Một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).

5.58. Bệnh ở chó mèo - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết: Bệnh truyền nhiễm, Bệnh nội khoa, Ngoại - Sản thú y.

Học phần học trước: không

Học phần Bệnh ở chó, mèo cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Bác sỹ thú y chất lượng cao các kiến thức cơ bản về phương pháp cố định, kiểm tra các hệ cơ quan của chó, mèo (da, hạch lympho, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ sinh dục). Ngoài ra, học phần cũng cung cấp các kiến thức về một số bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng thường, nội ngoại khoa thường gặp trên chó mèo như căn bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị nhằm giúp sinh viên có khả năng tư duy, phân tích và đưa ra các giải pháp phòng, trị hiệu quả cho các trường hợp bệnh trong thực tế. Cuối cùng, học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của Bác sỹ thú y trong thực tiễn.

5.59. Bệnh truyền lây giữa động vật và người - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: Bệnh lý học thú y, Dược lý học thú y, Vi sinh vật thú y, Miễn dịch học thú y, Nội - Chẩn thú y

Học phần song hành:

Tóm tắt nội dung môn học: Bệnh truyền lây giữa động vật và người là môn khoa học nghiên cứu về: i) Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người (bao gồm Khái niệm và giới thiệu chung về bệnh truyền lây giữa động vật và người ; Các loại hình bệnh truyền lây chủ yếu; Các loại động vật mang mầm bệnh.); ii) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do virus; iii) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do vi khuẩn; iv) Bệnh truyền lây giữa động vật và người do ký sinh trùng; v) Ứng dụng Một sức khỏe trong phòng chống bệnh truyền lây giữa động vật và người.

5.60. Công nghệ sinh học ứng dụng trong Thú y

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Di truyền - Giống vật nuôi,

Học phần tiên quyết: Sinh học phân tử

Học phần Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi thú y cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học và ứng dụng của công nghệ sinh học trong công tác giống (công nghệ hỗ trợ sinh sản, kỹ thuật công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi, công nghệ sinh học trong vấn đề bảo tồn giống vật nuôi, công nghệ sinh học trong công tác giống thủy sản); ứng dụng của công nghệ sinh học trong sản xuất thức ăn cho vật nuôi (công nghệ sinh học trong sản xuất thức ăn thô xanh, công nghệ sinh học trong sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản); ứng dụng công nghệ sinh học trong đảm bảo sức khỏe và an toàn dịch bệnh cho vật nuôi (Nuôi cấy mô và tế bào những cây thuốc có giá trị cao, sản xuất sản phẩm y học bằng tế bào cải tiến, sản xuất sinh dược phẩm, phòng và điều trị bệnh các đối tượng thủy sản) và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến nông sản và xử lý phế thải nông nghiệp bảo vệ môi trường.

5.61. Chăn nuôi ong tầm và động vật quý hiếm - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi; Di truyền – Giống vật nuôi; Vệ sinh gia súc.

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về: Các quy định của luật về đăng ký gây nuôi, vận chuyển và sử dụng các sản phẩm động vật quý hiếm; Kỹ thuật chăn nuôi, tổ chức, quản lý sản xuất, và nghiên cứu ong, tầm và các đối tượng động vật quý hiếm.

5.62. Chăn nuôi cá nước ngọt - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (39 tiết lý thuyết/12 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật, Vi sinh đại cương; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi

Học phần Chăn nuôi cá nước ngọt cung cấp cho người học đặc điểm sinh học của một số loài cá nước ngọt thường được nuôi phổ biến tại Việt Nam, kỹ thuật sản xuất giống và ương nuôi cá, kỹ thuật nuôi thương phẩm cá nước ngọt, kỹ thuật phòng và trị bệnh cho cá nước ngọt.

5.63. Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi – 3 tín chỉ

Học phần học trước: Bệnh Truyền nhiễm thú y, Nội – Chẩn thú y, KST và bệnh KST thú y...

Học phần tiên quyết: Sinh hóa – Sinh lý động vật; Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm; Bệnh truyền nhiễm thú y.

Học phần gồm có 5 chương. Chương 1: Những thông tin chung về chăn nuôi với môi trường và sức khỏe; Chương 2: Quản lý môi trường không khí trong chăn nuôi; Chương 3: Vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi; Chương 4: Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi; Chương 5: Vệ sinh chất thải trong chăn nuôi. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng, nguyên lý tác động của các yếu tố ngoại cảnh đến sức khỏe, sức sản xuất của vật nuôi. Bên cạnh đó, học phần cũng đi sâu vào các khái niệm về môi trường chất thải chăn nuôi và các kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi. Từ những kiến thức của học phần, người học có thể vận dụng được vào trong thực tiễn sản xuất, góp phần vào việc tạo ra môi trường sống tốt nhất cho vật nuôi và góp phần giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi mang tới.

5.64. Thực hành ấp trứng gia cầm - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi; Di truyền – Giống vật nuôi; Chăn nuôi Gia cầm

Môn học trước:

Học phần Thực hành Ấp trứng gia cầm gồm 15 bài.

Trang bị cho sinh viên các qui trình kỹ thuật ấp các loại trứng gia cầm. Thực hiện An toàn sinh học trong ấp trứng gia cầm. Phân loại gia cầm non theo phẩm chất và tính biệt.

5.65. Thực hành kỹ thuật truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể động vật học, Sinh Hóa - Sinh lý động vật.

Môn học trước: Công nghệ sinh sản, Chăn nuôi lợn, Chăn nuôi gia súc nhai

Học phần thực hành truyền tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản về truyền tinh nhân tạo cho lợn cái, trâu bò cái và gia cầm mái.

5.66. Thực hành thiết kế xây dựng chuồng trại trong chăn nuôi - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi; Di truyền – Giống vật nuôi; Chăn nuôi Gia cầm

Môn học trước:

Học phần Thực hành thiết kế chuồng trại gồm 10 bài.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lựa chọn vị trí, xác định các hợp phần cần có của 1 trại chăn nuôi quy mô công nghiệp. Lựa chọn vật liệu phù hợp với từng hạng mục. Chuồng nuôi đáp ứng các tập tính tự nhiên của vật nuôi, thuận tiện cho chăm sóc, nuôi dưỡng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bảo vệ môi trường.

5.67. Thực hành phẫu thuật ngoại khoa Thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật

Môn học trước: Công nghệ sinh sản, Dược lý học Thú y, Nội - Chẩn Thú y, Ngoại - sản Thú y

Học phần cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản về Ngoại khoa Thú y, đồng thời thực hiện kỹ thuật chuyên sâu để can thiệp và điều trị bệnh Ngoại khoa ở gia súc.

5.68. Thực hành Ngoại – Sản khoa thú y - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/90 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật, Sinh hóa - Sinh lý động vật

Môn học trước: Công nghệ sinh sản, Dược lý học Thú y, Nội – Chẩn Thú y, Ngoại – sản Thú y

Học phần cung cấp cho người học những kỹ thuật cơ bản về Ngoại - Sản Thú y, đồng thời thực hiện kỹ thuật chuyên sâu để can thiệp và điều trị bệnh Ngoại - Sản ở gia súc.

5.69. Thực hành Spa thú cưng - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Thực hành chăm sóc và huấn luyện thú cưng, Thực hành nâng cao chẩn đoán và điều trị bệnh cho thú cưng...

Môn học trước: Cơ thể học động vật,

Làm đẹp cho thú cưng hiện nay được rất nhiều người quan tâm và chú trọng. Không phải lúc nào chủ của thú cưng cũng có đủ thời gian và điều kiện để tự tắm chải, spa tại gia đình. Do đó, họ cần đưa chúng đến các spa chuyên nghiệp để hưởng những dịch vụ chăm sóc tốt nhất.

Với môn học này, sinh viên sẽ nắm được một số thao tác kỹ thuật cơ bản nhất để có thể chăm sóc cho thú cưng của mình cũng như của khách hàng.

5.70. Thực hành Chẩn đoán và điều trị bệnh cho thú cưng - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Chẩn đoán bệnh Thú y

Môn học trước: Cơ thể học động vật, Sinh hóa – Sinh lý

Học phần trang bị các kỹ năng về cố định gia súc, gây tê, gây mê, thao tác chẩn đoán và điều trị một số bệnh ngoài da, bệnh truyền nhiễm, ký sinh, ngoại sản thường gặp ở chó mèo.

5.71. Thực hành chăm sóc và huấn luyện thú cưng - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Bệnh truyền nhiễm, Bệnh chó mèo..., Thực hành chăm sóc và huấn luyện thú cưng, Thực hành nâng cao chẩn đoán và điều trị bệnh cho thú cưng...

Môn học trước: Cơ thể học động vật, Sinh hóa – Sinh lý động vật.

Học phần thực hành chăm sóc và huấn luyện thú cưng gồm 15 bài thực hành, chia làm các nội dung sau:

- Các thao tác chăm sóc và nuôi dưỡng thú cưng: thức ăn, dinh dưỡng, chế độ chăm sóc, phát hiện và điều trị một số bệnh thường gặp.

- Các thao tác và các bước huấn luyện một số lệnh cơ bản cho thú cưng.

5.72. Thực hành Ngoại – Sản thú cưng - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Vi sinh vật thú y, Ngoại – Sản thú y.

Môn học trước: Cơ thể học động vật, Sinh hóa – Sinh lý

Học phần Thực hành nâng cao Ngoại – Sản thú cưng (chó và mèo là đối tượng thú cưng chính), gồm 15 bài thực hành, chia làm các nội dung sau:

- Các Phương pháp gây mê, gây tê, truyền máu, truyền dịch... thực hiện khi điều trị ngoại khoa, sản khoa cho thú cưng.

- Một số thủ thuật ngoại khoa, sản khoa cho thú cưng.

- Ứng dụng một số thiết bị hiện đại trong chẩn đoán bệnh thú cưng

5.73. Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành - 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Kiểm nghiệm Thú sản, Bệnh Truyền nhiễm, Ký sinh trùng và bệnh Ký sinh trùng Thú y.

Môn học trước: Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi. Vi sinh vật đại cương,

- Môn học Phúc lợi động vật và Luật chuyên ngành gồm có 3 nội dung chính:

Nội dung 1: Gồm các chương về Giới thiệu phúc lợi động vật; đánh giá phúc lợi động vật dựa theo các tiêu chí; đánh giá phúc lợi động vật theo sinh lý học, hệ thần kinh tự động; đánh giá phúc lợi động vật theo sinh lý học – hệ thần kinh, nội tiết.

Nội dung 2: Giới thiệu về luật **Luật Thú y số 97/2015/QH13**;

Nội dung 3: Giới thiệu về luật Chăn nuôi số 32/2018/QH 14

5.74. Phương pháp nghiên cứu khoa học – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 tín chỉ (30 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Xác suất - Thống kê

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị những kiến thức cơ bản về các phương pháp thiết kế thí nghiệm, phương pháp phân tích số liệu thí nghiệm và xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm máy tính.

5.75. Marketing – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (15 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Marketing trang bị cho người học những kiến thức căn bản về marketing trong bối cảnh phát triển kinh tế hàng hóa tại Việt Nam và hội

nhập với kinh tế thế giới. Học phần giúp người học hiểu rõ về thị trường, các phương pháp tiếp cận thị trường, biết cách tìm, tạo và phát triển những sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về lựa chọn sản phẩm mới, tối ưu nguồn lực trong sản xuất, chiến lược định giá linh hoạt, xây dựng mạng lưới tiêu thụ và quảng bá phát triển thương hiệu sản phẩm hiệu quả và bền vững. Hiểu rõ nhu cầu thị trường và tìm cách thỏa mãn nhu cầu thị trường là nội dung cốt lõi của học phần Marketing giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh thành công.

5.76. Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Giao dịch và đàm phán kinh doanh nhằm chuyển tải đến sinh viên các vấn đề cơ bản trong đàm phán kinh doanh, những nguyên lý cơ bản của giao dịch, cơ sở tâm lý của giao dịch, giao dịch đa phương và các lễ nghi trong giao dịch, những nội dung chủ yếu của cuộc đàm phán và chiến lược trong đàm phán, các giai đoạn tiến hành đàm phán và kết thúc đàm phán, cơ sở pháp lý của đàm phán. Sau khi học xong học phần này sinh viên có những kiến thức khoa học trong đàm phán kinh doanh, gồm các vấn đề cụ thể: Những vấn đề chung về đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu, chiến lược, chiến thuật của cuộc đàm phán kinh doanh; các giai đoạn tiến hành đàm phán và cơ sở pháp lý của đàm phán kinh doanh.

5.77. Khởi sự kinh doanh – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm bốn chương. Chương 1 giới thiệu về những cơ sở cho việc khởi tạo doanh nghiệp, Chương 2 đề cập về việc hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, Chương 3 đề cập về việc lập kế hoạch kinh doanh, Chương 4 đề cập đến việc xây dựng mô hình khởi sự kinh doanh và phát triển doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này người học sẽ có khả năng: tóm tắt được những các kiến thức cơ bản về nghề kinh doanh, doanh nghiệp và về khởi sự kinh doanh; ứng dụng được các phương pháp phân tích, đánh giá điểm mạnh cũng như điểm yếu của bản thân, các cơ hội trong cuộc sống, từ đó hình thành, đánh giá và xây dựng các ý tưởng kinh doanh. Có khả năng xây dựng và triển khai Kế hoạch kinh doanh.

5.78. Phân tích Chuỗi giá trị - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phân tích chuỗi giá trị và các phương pháp tiếp cận và đánh giá chuỗi giá trị. Thực hành các công cụ phân tích chuỗi giá trị cho các sản phẩm chăn nuôi. Sau khi học xong, người học có thể sử dụng thành thạo các công cụ phân tích Phân tích chuỗi giá, vận dụng được các chính sách trong liên kết, phát triển Chuỗi giá trị chăn nuôi, thú y.

5.79. Ứng dụng Blockchain trong nông nghiệp - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung trọng tâm của học phần tập trung vào vấn đề như quản lý và phát triển các giao dịch trực tuyến, tiếp thị trực tuyến, trao đổi dữ liệu sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y, truy suất nguồn gốc QR code, thanh toán điện tử... Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng một số ứng dụng công nghệ sẵn có trong truy suất nguồn gốc, quản lý sản xuất và giao dịch trực tuyến, marketing điện tử và thanh toán điện tử để tổ chức, quản lý sản xuất và khởi nghiệp trong lĩnh vực thú y.

5.80. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm - 3 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Môn học trước: Không

Học phần Xây dựng và Phát triển thương hiệu trang bị cho sinh viên những kiến thức áp dụng vào quản trị doanh nghiệp, trong đó chú trọng đến các khía cạnh như xây dựng mô hình thương hiệu, thiết kế và nhận diện các mô hình thương hiệu, các chiến lược định vị thương hiệu, truyền thông và bảo hộ thương hiệu.

5.81. Quản trị doanh nghiệp – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Khoa học quản lý

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Khởi sự kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị doanh nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp bao gồm: Giới thiệu các vấn đề của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quản trị (quản trị nhân sự, quản trị quá trình sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị chi phí, kết quả và chính sách tài chính doanh nghiệp) cũng như những vấn đề liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát trong doanh nghiệp. Học phần cũng góp phần giúp cho người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản trị thực sự năng động có kỹ năng giỏi và mang tính chuyên nghiệp.

Học phần được xây dựng thành 05 chương với trình tự logic, dễ hiểu, cung cấp đầy đủ các kiến thức cơ bản cũng như áp dụng các kỹ năng vào thực tiễn. Bộ cục cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về quản trị doanh nghiệp

Chương 2: Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp

Chương 3: Hoạch định trong quản trị doanh nghiệp

Chương 4: Các lĩnh vực cơ bản trong quản trị doanh nghiệp

Chương 5: Quản trị kết quả kinh doanh và kiểm soát trong doanh nghiệp

5.82. Bảo quản và chế biến nông sản - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Môn học tiên quyết:

Môn học trước:

Bảo quản và chế biến nông sản là môn chuyên ngành đề cập đến bản chất và tính chất của bảo quản nông sản, thực phẩm trong quá trình hoạt động lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp thực phẩm. Từ đó đưa ra hướng để bảo quản nông sản, thực phẩm chất lượng tốt trong thời gian dài trong quá trình sản xuất.

5.83. Hệ thống nông lâm kết hợp - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần tiên quyết:

Học phần song hành:

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản và khái quát về quản trị trang trại nông lâm kết hợp, cơ sở khoa học của quản trị trang trại; lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại; những kiến thức về quản lý, thiết lập, tổ chức sản xuất, các nguồn lực sản xuất, kỹ thuật của trang trại và vai trò, tầm quan trọng truy xuất nguồn gốc, ứng dụng trong quản trị trang trại trong thời đại ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 đối với các sản phẩm chăn nuôi. Học xong học phần sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào xây dựng, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, truy xuất nguồn gốc của một trang trại nông lâm kết hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

5.84. Công nghệ thực phẩm

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Điều kiện tham gia học tập học phần:

Môn học tiên quyết: Toán cao cấp, vật lý, hóa học, sinh học

Trang bị cho người học những khái niệm, kiến thức căn bản về các quá trình trong sản xuất thực phẩm như quá trình phân loại, lắng, lọc, ly tâm, nhiệt, trích ly, sấy. Những biến đổi và các yếu tố ảnh hưởng xảy ra trong chế biến thực phẩm. Ứng dụng và vận hành các hệ thống thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất thực phẩm đạt năng suất và hiệu quả cao

5.85. Quản lý nguy cơ sinh học - 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Sinh học, Vi sinh đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này gồm các kiến thức cơ bản, nâng cao về các nguy cơ rủi ro sinh học, các cấp độ an toàn sinh học; các kiến thức cơ bản và nâng cao về thực hành an toàn phòng thí nghiệm, các kỹ thuật vi sinh an toàn, và đánh giá và quản lý rủi ro các sinh vật biến đổi gen và các sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen. Từ đó, người học có thể vận dụng trong quản lý các rủi ro sinh học trong thực tiễn nghiên cứu và sản xuất.

5.86. Trồng trọt chuyên khoa – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Học phần song hành: Khởi sự kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu

Đây là học phần chuyên ngành rộng dành cho sinh viên ngoại khoa Nông học, vì vậy môn học này giúp sinh viên tích lũy các kiến thức thuộc cơ sở chuyên ngành: Sinh lý thực vật, khoa học đất, dinh dưỡng và phân bón, bệnh cây (đại cương và chuyên khoa), các cây trồng chính như cây ăn quả, cây lương thực và thực phẩm.

Nội dung chính bao gồm: Chương 1: Khái quát chung về nông học; Chương 2: Giới thiệu về phân loại các cây trồng chính. Chương 3: Đánh giá sự quan trọng của cây trồng; Chương 4: Nghiên cứu cơ sở sinh học cây trồng. Mối quan hệ giữa cây trồng và điều kiện ngoại cảnh;

5.87. Công nghệ môi trường

Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45 tiết lý thuyết/0 tiết thực hành/90 tiết tự học)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình phát sinh chất thải, số lượng, thành phần, tác hại và các biện pháp tổng hợp xử lý chất thải để giảm thiểu tác động xấu của chất thải chăn nuôi đến môi trường, đảm bảo hệ sinh thái an toàn và bền vững, đồng thời ứng dụng được các kiến thức này vào thực tiễn chăn nuôi.

5.88. Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại

Phân bố thời gian: 1 tín chỉ (tiết lý thuyết/15 tiết thực hành/15 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: không

Môn học trước: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách tổ chức, quản lý và sản xuất tại các nhà máy thức ăn, thuốc thú y và trang trại chăn nuôi.

5.89. Tiêm phòng chống dịch – 2 tín chỉ

Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực hành/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Dược lý thú y, Cơ thể học động vật.

Môn học trước: Nội – Chẩn thú y, Dược lý thú y, Công nghệ sản xuất và sử dụng vắc xin.

Học phần trang bị các kỹ năng về cách sử dụng và bảo quản vắc xin, cách tiếp cận gia súc, các kỹ thuật trong tiêm phòng vắc xin.

5.90. Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia cầm – 5 tín chỉ

Phân bố thời gian: 5 tín chỉ (0tiết lý thuyết/300 tiết thực hành/ tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi gia cầm.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi gia cầm (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi... trong chăn nuôi gia cầm); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia cầm; Thức ăn cho các loại gia cầm; Đặc điểm của các đối tượng gia cầm nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn gia cầm; Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn gia cầm; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi gia cầm; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi gia cầm/năm.

5.91. Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi lợn – 5 tín chỉ

Phân bố thời gian: 5 tín chỉ (0tiết lý thuyết/300 tiết thực hành/ tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi lợn.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi lợn (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi lợn; Thức ăn cho các loại lợn; Đặc điểm của các đối tượng lợn nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn lợn; Kỹ thuật chăn nuôi lợn (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn lợn; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi lợn; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi lợn /năm.

5.92. Tổ chức sản xuất, quản lý trong trang trại chăn nuôi gia súc nhai lại – 5 tín chỉ

Phân bố thời gian: 5 tín chỉ (0tiết lý thuyết/300 tiết thực hành/ tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi trâu bò

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi trâu, bò, dê, cừu (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia súc nhai lại (GSNL); Thức ăn cho các loại GSNL; Đặc điểm của các đối tượng GSNL nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn GSNL; Kỹ thuật chăn nuôi GSNL (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn GSNL;

Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi GSNL; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi GSNL /năm.

5.93. Thực tập tốt nghiệp – 10 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 10 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/600 tiết thực tập/300 tiết tự học)

Học phần học trước: Bệnh truyền nhiễm thú y, Nội – Chẩn thú y, Ngoại – Sản thú y y, Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y.

Học phần tiên quyết: Chẩn đoán bệnh thú y, Dược lý học thú y, Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh động vật, Quản lý dịch bệnh và thực hành thú y tại trại gia cầm, Kỹ năng chẩn đoán, phòng và trị bệnh cho vật nuôi tại Bệnh xá thú y

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là học phần cuối cùng của chương trình đào tạo và đóng vai trò không thể thiếu trong nền giáo dục hiện nay. Học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên tiếp cận và nắm bắt thực tế sản xuất, củng cố kiến thức đã học, đồng thời áp dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất, từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, thời gian thực tập tốt nghiệp cũng là thời gian sinh viên rèn luyện, học hỏi kinh nghiệm của người đi trước, nhằm trang bị những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và công tác quản lý sau khi tốt nghiệp ra trường có thể trở thành một người cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn, tay nghề vững vàng, nâng cao kỹ năng mềm và khả năng giao tiếp hiệu quả.

5.94. Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y – 01 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/60 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Sinh Hóa- Sinh lý động vật; Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, Dược lý, Quản trị trang trại.

Môn học trước: Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, Dược lý, Quản trị trang trại.

Học phần thực tập Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y cung cấp cho người học các kiến thức về các bước lập kế hoạch sản xuất thức ăn và thuốc thú y, tổ chức và quản lý thức ăn và thuốc thú y bằng phần mềm.

5.95. Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm - 1 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/60 tiết thực tập/60 tiết tự học)

+ Học phần học trước: Vi sinh vật đại cương

+ Học phần song hành:., Cơ thể học động vật, Sinh hóa – sinh lý động vật; Dược lý học thú y

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về vệ sinh, khử trùng các thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Cách pha chế môi trường, nuôi cấy, nhuộm tiêu bản trong phòng thí nghiệm vi sinh vật.

5.96. Rèn nghề Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trị bệnh cho gia cầm – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết thực tập/180 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi gia cầm, Chăn nuôi trâu bò, Chăn nuôi lợn.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi gia cầm (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi... trong chăn nuôi gia cầm); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi gia cầm; Thức ăn cho các loại gia cầm; Đặc điểm của các đối tượng gia cầm nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn gia cầm; Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn gia cầm; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi gia cầm; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi gia cầm/năm.

5.97. Rèn nghề Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trị bệnh cho lợn – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết thực tập/180 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi gia cầm, Chăn nuôi trâu bò, Chăn nuôi lợn.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi lợn (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi... trong chăn nuôi lợn); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi lợn; Thức ăn cho các loại lợn; Đặc điểm của các đối tượng lợn nuôi trong cơ sở; Kỹ thuật chọn lợn; Kỹ thuật chăn nuôi lợn (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn lợn; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi lợn; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi lợn/năm.

5.98. Rèn nghề Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trị bệnh cho gia súc nhai lại – 3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 tín chỉ (0 tiết lý thuyết/180 tiết thực tập/180 tiết tự học)

Môn học tiên quyết: Cơ thể học động vật; Sinh Hóa - Sinh lý động vật; Di truyền - Giống vật nuôi, Dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi.

Môn học trước: Di truyền - Giống vật nuôi, Chăn nuôi gia cầm, Chăn nuôi trâu bò, Chăn nuôi lợn.

Học phần trang bị cho người học những kỹ năng về chuẩn bị các điều kiện để nuôi trâu, bò, dê, cừu (Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi...); Nội quy của một cơ sở chăn nuôi GSNL; Thức ăn cho các loại GSNL; Đặc điểm của các đối tượng GSNL nuôi trong cơ

sở; Kỹ thuật chọn GSNL; Kỹ thuật chăn nuôi GSNL (Vệ sinh chuồng trại, cho ăn, cho uống...); Kiểm tra và đánh giá tình trạng sức khỏe đàn GSNL; Thực hiện quy trình phòng trị bệnh (Vệ sinh thú y, phòng bệnh bằng vắc xin, sử dụng thuốc phòng và trị bệnh...); Xử lý chất thải trong cơ sở chăn nuôi GSNL; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất của trại qua sổ sách/ phỏng vấn; Biết tính hiệu quả kinh tế khi nuôi GSNL /năm.